



Sách được xây dựng dựa trên tài liệu nguồn của Ban Thư ký ASEAN (www.asean.org),
Hà Nội, tháng 12/2013.



MỤC LỤC

LỊCH SỬ ASEAN	5
GIỚI THIỆU VỀ CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)	7
THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI	11
Thuận lợi hóa thương mại	12
Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)	15
Hiện đại hóa hệ thống hải quan trong ASEAN	17
Cơ chế một cửa ASEAN (ASW)	20
Đánh giá mức độ phù hợp trong ASEAN	22
Hòa hợp các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật	24
Đảm bảo tính an toàn của dược phẩm trong ASEAN	27
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	29
Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS)	30
Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong ngành dịch vụ	33
ĐẦU TƯ	35
Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)	36
HỘI NHẬP TÀI CHÍNH	38
Hội nhập tài chính trong cộng đồng kinh tế ASEAN	39
Thỏa thuận đa phương hóa sáng kiến Chiang Mai (CMIM)	42
LƯƠNG THỰC, NÔNG NGHIỆP VÀ LÂM NGHIỆP	45
Hợp tác ASEAN trong ngành Ngành lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp (FAF)	46
Khuôn khổ An ninh lương thực tổng hợp ASEAN (AIFS)	49
Quỹ Dự trữ Gạo Khẩn cấp ASEAN+3 (APTERR)	51
An toàn thực phẩm	52
Biến đổi khí hậu	54
Quản lý Rừng bền vững (SFM)	56
CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH	58
Chính sách cạnh tranh trong ASEAN	59

CHÍNH SÁCH BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG	61
Bảo vệ người tiêu dùng trong cộng đồng kinh tế ASEAN	62
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG ASEAN	64
Hợp tác ASEAN về quyền sở hữu trí tuệ	65
PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG TRONG ASEAN	68
Quỹ Phát triển Hạ tầng ASEAN	69
Hợp tác ASEAN trong ngành giao thông vận tải	70
Công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) – Nền tảng của một ASEAN hội nhập, vững chắc và toàn diện	72
Đảm bảo an ninh năng lượng trong ASEAN	77
Du lịch trong cộng đồng kinh tế ASEAN	80
CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	82
Các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ASEAN (SMEs).....	83
HỢP TÁC GIỮA KHU VỰC TƯ NHÂN VÀ KHU VỰC NHÀ NƯỚC	86
Hợp tác giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước (PPE) trong cộng đồng kinh tế ASEAN.....	87
THU HẸP KHOẢNG CÁCH PHÁT TRIỂN	90
Động lực cho sự hội nhập ASEAN (IAI) và thu hẹp khoảng cách phát triển (NDG)	91
HỘI NHẬP VÀO NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU	93
Khu vực thương mại tự do Trung Quốc – ASEAN (ACFTA).....	94
Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP)	97
Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn quốc (AKFTA)	99
Khu vực thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AITIG).....	102
Khu vực thương mại tự do ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA)	104
Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)	106

LỊCH SỬ ASEAN

ASEAN – hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á – được thành lập ngày 08/08/1967 tại Băng-cốc, Thái-lan đánh dấu bằng sự kiện ký kết Tuyên bố ASEAN (hay Tuyên bố Băng-cốc) của các thành viên sáng lập In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái-lan. Sau đó, với sự gia nhập của Vương quốc Bru-nây vào ngày 07/01/1984, Việt Nam ngày 28/07/1995, Lào và Mi-an-ma ngày 23/07/1997, và Cambodia ngày 30/04/1999 nâng tổng số thành viên ASEAN hiện tại lên đến con số 10 quốc gia.

Tuyên bố Băng-cốc dài 2 trang thể hiện rõ mục tiêu của hiệp hội về hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, kỹ thuật, giáo dục và một số lĩnh vực khác, đồng thời cũng cho thấy mục đích đầy mạnh mẽ và ổn định nền hòa bình trong khu vực, được cụ thể hóa bằng sự tôn trọng quy định, luật pháp, và cam kết tôn trọng các nguyên tắc hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Với vai trò là một Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á hoạt động vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung, vì sự hợp tác lâu dài cho mục tiêu phát triển ngày càng năng động, các nhà lãnh đạo ASEAN đã hoạch định tầm nhìn chung ASEAN đến năm 2020 ngay trong năm 2003 với quyết tâm thành lập một Cộng đồng ASEAN. Đến năm 2007, các nhà lãnh đạo ASEAN một lần nữa khẳng định cam kết hội nhập khu vực và nhất trí đẩy nhanh hơn quá trình thành lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN gồm Cộng đồng An ninh – Chính trị ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN sẽ đồng thời thúc đẩy tiến trình hội nhập khu vực theo khuôn khổ Hiến chương ASEAN.

Hiến chương ASEAN quy định cơ sở pháp lý, cơ cấu tổ chức, cũng như các giá trị, nguyên tắc, và quy định chung, đồng thời đặt ra mục tiêu rõ ràng, quy định cụ thể về trách nhiệm và việc thực thi trách nhiệm. Có hiệu lực chính thức từ ngày 15/12/2008, hiến chương ASEAN là cơ sở mới để hình thành khung pháp lý, cơ chế và các cơ quan để thực hiện lộ trình xây dựng cộng đồng ASEAN.



GIỚI THIỆU VỀ CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)



Trong năm 2003, các nhà lãnh đạo ASEAN đã hoạch định tầm nhìn ASEAN 2020 bao gồm ba trụ cột là Cộng đồng An ninh – Chính trị ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC). Năm 2007, các nhà lãnh đạo ASEAN một lần nữa khẳng định lại cam kết này đồng thời quyết định đẩy nhanh quá trình thành lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 và thông qua Kế hoạch Hành động thành lập Cộng đồng ASEAN trong đó có Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào năm 2015.

Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập nhằm mục đích: tạo dựng một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất cho các quốc gia thành viên ASEAN; thúc đẩy dòng chu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề trong ASEAN; thúc đẩy phát triển kinh tế một cách công bằng, thiết lập khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao; và với năng lực cạnh tranh này, ASEAN có thể hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

Kế hoạch Tổng thể AEC (AEC Blueprint) được thông qua năm 2007. Kế hoạch này chỉ ra những đặc điểm và tính chất của AEC với các mục tiêu và thời hạn cụ thể cho việc hoàn thành và áp dụng các biện pháp, cũng như chỉ ra các trường hợp ngoại lệ được thoả thuận trước để đáp ứng nhu cầu của tất cả các nước thành viên ASEAN.

Thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất

Việc xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ đưa ASEAN thành một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất, nhờ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của ASEAN. AEC sẽ hỗ trợ một số lĩnh vực ưu tiên hội nhập kinh tế của ASEAN, đồng thời cho phép tự do chu chuyển nguồn nhân lực có trình độ/tay nghề cao trong kinh doanh. Một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất ASEAN bao gồm năm yếu tố cơ bản: chu chuyển tự do hàng hóa, dịch vụ, lao động có tay nghề; chu chuyển tự do hơn nữa các dòng vốn và dòng đầu tư.

Hàng rào thuế quan và hàng rào phi thuế quan sẽ từng bước bị xóa bỏ. Các

nhà đầu tư ASEAN sẽ được tự do đầu tư vào tất cả mọi lĩnh vực kinh doanh. Các chuyên gia và lao động có tay nghề sẽ được luân chuyển tự do trong khu vực. Những thủ tục hải quan và thương mại khi đã được tiêu chuẩn hóa hài hòa và đơn giản hơn sẽ góp phần làm giảm chi phí giao dịch.

Một thị trường hàng hóa và dịch vụ thống nhất sẽ thúc đẩy phát triển mạng lưới sản xuất trong khu vực, nâng cao năng lực của ASEAN với vai trò là một trung tâm sản xuất toàn cầu đáp ứng yêu cầu đối với chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất mang lại lợi ích cho các ngành kinh tế ưu tiên tham gia hội nhập như: nông nghiệp, hàng không (vận chuyển bằng đường hàng không), ô tô, e-ASEAN, điện tử, ngư nghiệp, chăm sóc sức khỏe, cao su, dệt may và thời trang, du lịch, ngành công nghiệp gỗ và các dịch vụ lo-gi-stic khác...

Khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao

Cộng đồng kinh tế ASEAN hướng tới mục tiêu tạo dựng một khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao, thịnh vượng và ổn định, theo đó khu vực này sẽ ưu tiên 6 yếu tố chủ chốt là: chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống thuế khóa và thương mại điện tử.

ASEAN cam kết thúc đẩy văn hóa cạnh tranh công bằng thông qua việc ban hành các chính sách và luật cạnh tranh, đảm bảo sân chơi bình đẳng trong ASEAN và hiệu quả kinh tế khu vực ngày càng cao.

Phát triển kinh tế công bằng

Phát triển kinh tế công bằng bao gồm hai thành tố: (i) Sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và (ii) Sáng kiến liên kết kinh tế ASEAN. Những sáng kiến này đều nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển cả ở cấp độ giữa các SME cũng như giữa các quốc gia ASEAN, thúc đẩy liên kết kinh tế của Căm-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam (CLMV), cho phép các nước thành

viên cùng hướng tới một mục tiêu chung và đảm bảo tất cả các quốc gia này đều có được lợi ích công bằng trong quá trình hội nhập kinh tế.

Hội nhập với nền kinh tế toàn cầu

ASEAN hiện đang hoạt động trong môi trường toàn cầu hóa và kết nối với nhau ngày càng cao với các thị trường và các ngành công nghiệp lệ thuộc lẫn nhau. Do đó, để các doanh nghiệp ASEAN có thể cạnh tranh trên trường quốc tế, đưa ASEAN một mặt trở thành một nhà cung ứng toàn cầu quan trọng và năng động hơn nữa, mặt khác vẫn bảo đảm thị trường nội khối vẫn hấp dẫn với các nhà đầu tư bên ngoài, ASEAN cần phải có tầm nhìn xa hơn phạm vi AEC.

ASEAN hiện có hai cách tiếp cận để hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, đó là: (i) Cách tiếp cận gắn kết hướng tới các quan hệ kinh tế đối ngoại thông qua các Hiệp định Khu vực Mậu dịch Tự do (FTA) và Đối tác Kinh tế Chặt chẽ (CEP); và (ii) Tăng cường sự tham gia vào mạng lưới cung ứng toàn cầu.



THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI



Thuận lợi hóa thương mại

Với mục tiêu thành lập AEC trong năm 2015, ASEAN từng bước nâng cao lợi thế thương mại bằng việc dỡ bỏ hàng rào thương mại phi thuế quan, đẩy mạnh dòng chu chuyển tự do hàng hóa và dịch vụ trong khu vực cũng như giữa các quốc gia thành viên ASEAN (AMS).

Để khuyến khích dòng chu chuyển tự do hàng hóa và phát triển mạng lưới sản xuất hội nhập hơn trong khu vực, các nước ASEAN đã thông qua Chương trình thuận lợi hóa thương mại và Các chỉ tiêu thuận lợi hóa thương mại vào năm 2008 và 2009. Thuận lợi hóa thương mại là một chương trình cải cách nhằm đẩy mạnh lợi thế thương mại trong khu vực ASEAN bằng việc cắt giảm chi phí giao dịch. Chỉ tiêu thuận lợi hóa thương mại là các chỉ tiêu định lượng xác định mức ảnh hưởng của cải cách thương mại đối với khu vực nhà nước nói chung và khu vực tư nhân nói riêng.

Dỡ bỏ hàng rào thuế quan

Vào tháng 1 năm 2010, các quốc gia Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan (ASEAN-6) đã xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 54.467 dòng thuế, chiếm 99.65% trong tổng số các dòng thuế, trong đó 24.15% tổng số dòng thuế được áp dụng cho hàng hóa từ các ngành ưu tiên hội nhập (PIS) như nông nghiệp, hàng không (vận chuyển bằng đường hàng không), ô tô, e-ASEAN, điện tử, ngư nghiệp, chăm sóc sức khỏe, cao su, dệt may và thời trang, du lịch, ngành công nghiệp gỗ, 14,92% các sản phẩm từ thép và inox, 8,93% các sản phẩm cơ khí và máy móc, 8% các sản phẩm liên quan đến hóa chất.

Tương tự như vậy, Cambodia, Lào, Myanmar và Việt Nam cũng cắt giảm thuế nhập khẩu xuống còn 0-5% đối với 34,691 dòng thuế (98.86%) cho các loại hàng hóa nói trên, ngoài ra các loại hàng hóa có xuất xứ từ ASEAN như thực phẩm chế biến, đồ đạc nội thất, nhựa, giấy, xi măng, gốm sứ, thủy tinh, nhôm

xuất khẩu sang Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore and Thailand cũng được hưởng mức thuế suất 0%.

(Thông tin chi tiết về các mức thuế nhập khẩu trong ASEAN (Biểu thuế ATIGA) có thể được tìm thấy tại website của asean <http://www.asean.org/25053.htm>)

Thúc đẩy minh bạch hóa thương mại

ASEAN dự định thành lập Trung tâm Dữ liệu Thương mại ASEAN (ATR) vào năm 2015, đây sẽ là trung tâm thông tin điều tiết cấp quốc gia và cấp khu vực. ATR sẽ cung cấp thông tin điều tiết liên quan tới biểu thuế quan, hàng rào thuế quan ưu đãi theo hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), quy tắc xuất xứ (ROO), các biện pháp phi thuế quan (NTMs), thương mại trong nước, nguyên tắc và luật hải quan, tài liệu cần thiết, danh sách thương nhân được chỉ định của các quốc gia thành viên ASEAN.

Ngay khi được thành lập và hoạt động với đầy đủ chức năng, ATR sẽ được đưa lên internet để phục vụ cho các nhà xuất khẩu, nhập khẩu, thương nhân, cơ quan nhà nước, cho những người tìm kiếm thông tin và cho công chúng.

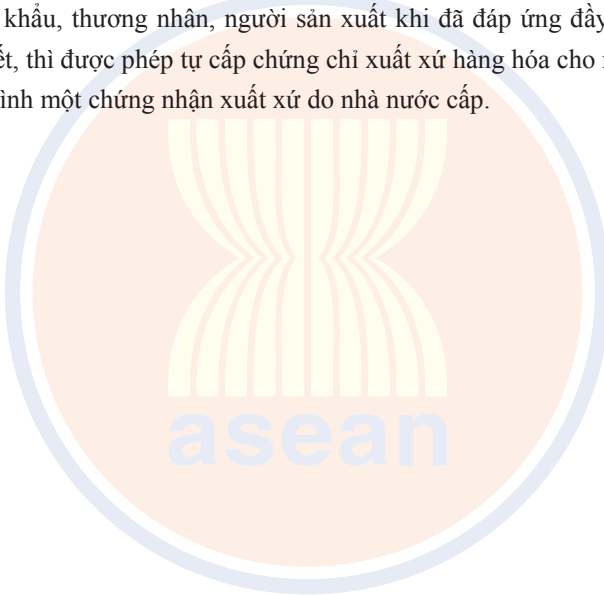
Cải cách về quy tắc xuất xứ

Để thúc đẩy thông quan hàng hóa và nâng cao tính minh bạch trong giao dịch giữa các quốc gia, các thành viên ASEAN hiện đang phát triển hệ thống chính sách Một cửa ASEAN (ASW), đây là hệ thống liên kết cấp khu vực và sẽ tạo nền móng cho hợp tác hội nhập giữa các quốc gia cũng như người sử dụng cuối cùng đối với dòng chu chuyển hàng hóa tự do trong ASEAN.

Bộ quy tắc xuất xứ (ROO) sẽ liên tục được điều chỉnh nhằm phản ánh đúng những thay đổi trong quá trình sản xuất trên thế giới, cũng là để bộ quy tắc này trở nên dễ sử dụng hơn, phản ánh đầy đủ những gì diễn ra trong khu vực thương mại tự do ASEAN. Bộ ROO được điều chỉnh, cập nhật, giới thiệu về các tiêu chuẩn xuất xứ nhằm đưa ra nhiều sự lựa chọn hơn cho các đối tượng kinh tế khác nhau khi quy định xuất xứ ASEAN cho hàng hóa được giao dịch trong khu

vực. Bộ ROO này là một phần của bộ quy cách phẩm chất hàng hóa (PSR), điều này mang lại lựa chọn về cách áp dụng quy tắc xuất xứ trong số các quy tắc xuất xứ dựa vào Tỷ lệ nội địa hóa (RVC), quy tắc Xuất xứ chuyển đổi mã số hàng hóa HS theo quy định của Tổ chức Hải quan thế giới (CTC), hoạt động sản xuất và chế biến cụ thể hoặc sự kết hợp của bất kỳ quy tắc nào nói trên.

Các nước thành viên ASEAN cũng đang xem xét thành lập cơ chế tự cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Cơ chế này được thực hiện thí điểm từ năm 2012, cho phép những người thực sự tham gia vào các hoạt động kinh tế như người xuất khẩu, thương nhân, người sản xuất khi đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cần thiết, thì được phép tự cấp chứng chỉ xuất xứ hàng hóa cho mình thay vì phải xuất trình một chứng nhận xuất xứ do nhà nước cấp.



Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)

Mục tiêu thành lập thị trường và cơ sở sản xuất đồng nhất vào năm 2015 với dòng lưu chuyển hàng hóa tự do đòi hỏi phải có sự kết hợp của những biện pháp hội nhập sẵn có và các biện pháp bổ sung tương ứng với thương mại hàng hóa trong khu vực. Để đạt được điều này, các bộ trưởng kinh tế ASEAN trong tháng 8/2007 đã nhất trí thực hiện Chương trình Thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung cho khu vực thương mại tự do ASEAN (CEPT – AFTA) và biến nó trở thành công cụ pháp lý toàn diện hơn. Chính điều này đã dẫn tới việc ký kết hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) vào tháng 2 năm 2009.

Những vấn đề cơ bản của ATIGA

- i. ATIGA hợp nhất và đơn giản hóa tất cả các điều khoản của CEPT – AFTA đồng thời cũng bổ sung một số quyết định của các bộ trưởng và theo đó ATIGA đã trở thành công cụ pháp lý chung hướng dẫn khu vực tư nhân và các cơ quan chức năng có trách nhiệm thực thi và triển khai hiệp định này.
- ii. Phụ lục ATIGA bao gồm lộ trình hoàn thiện cắt giảm hàng rào thuế quan áp dụng với các quốc gia thành viên và loại bỏ dần các mức thuế cụ thể áp dụng với từng loại hàng hóa khác nhau cho từng năm đến năm 2015. Do đó, lộ trình cắt giảm hàng rào thuế quan trở nên minh bạch hơn và có thể dự đoán trước được trong cộng đồng kinh tế. Các văn bản pháp lý hoàn chỉnh về lộ trình cắt giảm hàng rào thuế quan ATIGA của tất cả các thành viên ASEAN được đề cập cụ thể và đưa lên website của ASEAN (<http://www.asean.org/25053.htm>).
- iii. ATIGA bao gồm các điều khoản đảm bảo dòng chu chuyển tự do hàng hóa trong ASEAN như: tự do hóa thuế quan, dỡ bỏ hàng rào phi thuế quan, quy tắc xuất xứ, thuận lợi hóa thương mại, hải quan, tiêu chuẩn và tính hợp lý của tiêu chuẩn, biện pháp vệ sinh dịch tễ. ATIGA còn bao gồm cả những cam kết toàn diện liên quan tới thương mại hàng hóa cùng những thỏa thuận và cơ chế giữa các tổ chức hỗ trợ cho quá trình thực hiện. Điều này cho phép các cơ quan liên ngành trong ASEAN có được hành động đồng nhất.

- iv. Để thực hiện mục tiêu xóa bỏ hàng rào phi thuế quan, cần phải có các biện pháp cụ thể để thực hiện các điều khoản của biện pháp phi thuế quan trong ATIGA đồng thời cũng phải thiết lập cơ chế giám sát cam kết xóa bỏ rào cản phi thuế quan.
- v. ATIGA cũng bao hàm cả hiệp định khung ASEAN về thuận lợi hóa thương mại. Theo đó, ASEAN sẽ phát triển chương trình thuận lợi hóa thương mại giai đoạn 2009 – 2015 và phát triển khả năng tối ưu hóa các chỉ số thuận lợi kinh doanh của World Bank như là một cơ sở tiếp cận quá trình thuận lợi hóa thương mại trong ASEAN.

Hiệu lực của ATIGA

Chính thức có hiệu lực từ tháng 5 năm 2010, ATIGA đã mang lại rất nhiều lợi ích cho các nhà xuất/nhập khẩu thông qua ưu đãi từ việc cắt giảm hàng rào thuế quan và rào cản phi thuế quan. Tương tự như vậy, người tiêu dùng trong khối ASEAN cũng đang được hưởng lợi từ việc tiếp cận với rất nhiều chủng loại hàng hóa có mức giá thấp hơn.

Sau khi ATIGA có hiệu lực, một số thỏa thuận nhất định liên quan tới thương mại hàng hóa trong ASEAN như CEPT và một số nghị định khác sẽ không còn hiệu lực nữa. Tuy nhiên, những thỏa thuận này về mặt hành chính vẫn được coi như một phụ lục của ATIGA cho đến khi những thỏa thuận hỗ trợ tương ứng được sửa đổi, bổ sung và ký kết.

Hiện đại hóa hệ thống hải quan trong ASEAN

Các cơ quan hải quan trong ASEAN đang xúc tiến cải cách và hiện đại hóa phương pháp cũng như thủ tục hải quan để nâng cao lợi thế thương mại trong ngành.

Chương trình chiến lược phát triển hải quan (SPCD) quy định chỉ được phép dỡ container khỏi tàu trong vòng 30 phút. Để hiện đại hóa hệ thống hải quan, các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông đã được sử dụng để thông quan hàng hóa trong khu vực ASEAN theo tiêu chuẩn quốc tế. Việc này sẽ góp phần làm giảm chi phí giao dịch và thời gian thông quan hàng hóa dưới sự kiểm soát của hải quan. Các cơ quan hải quan ASEAN hiện cũng đang tích cực phối hợp với các ngành khác nhau để đẩy mạnh và cải thiện chất lượng dịch vụ hải quan cũng như mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn định sẵn.

Việc cắt giảm hàng rào thuế quan xuống 0% đối với 99.65% dòng thuế trong ASEAN 6 (Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thailand), 0 – 5% đối với 98.86% dòng thuế cho 4 quốc gia còn lại tại khu vực từ tháng 1 năm 2010 đã cho thấy nỗ lực vượt bậc của các cơ quan hải quan trong công tác nâng cao lợi thế thương mại thông qua thông quan hàng hóa.

Tiến trình thực hiện và thành tựu đạt được

Các Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN đã thông qua tầm nhìn hải quan ASEAN 2015 trong cuộc họp Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN diễn ra tại Vientiane, Lào hồi tháng 6 năm 2008.

Hiệp định Hải quan ASEAN (1997) và sau đó được thay thế bằng Hiệp định Hải quan ASEAN 2012 đã đạt được những bước tiến đáng kể trong công cuộc hỗ trợ thực hiện hóa cộng đồng kinh tế ASEAN. Các điều khoản của Hiệp định cho phép hoạt động hải quan trong ASEAN tuân thủ theo đúng

tiêu chuẩn và quy ước quốc tế như công ước Kyoto sửa đổi, hiệp định trị giá hải quan WTO, và thực hiện khung tiêu chuẩn SAFE của tổ chức hải quan thế giới.

Các nước thành viên hiện cũng đang rà soát và chuyển đổi Danh mục hài hoà biểu thuế quan của các nước ASEAN 1/2007 theo AHTN 2012, sau đó tổ chức hải quan thế giới sẽ áp dụng theo những sửa đổi, bổ sung của Hệ thống Hải hoà mô tả và mã số hàng hoá (HS) phiên bản năm 2007 cho HS 2012. Các Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN cũng đã thông qua Hiến chương Khách hàng như một cam kết về quản trị hiệu quả và Kế hoạch hoàn thiện và phát triển nguồn nhân lực hải quan nhằm hỗ trợ cung cấp dịch vụ một cách tốt hơn.

Trên cơ sở các cam kết, các nước ASEAN đã xây dựng và áp dụng các hướng dẫn xác định trị giá hải quan, mô hình chế xuất hàng hóa ASEAN, kiểm toán sau thông quan hàng hóa .

ASEAN đã có nhiều nỗ lực trong việc củng cố kết nối khu vực và thuận lợi hóa quá cảnh hải quan ASEAN theo hiệp định khung ASEAN về lợi thế hàng hóa quá cảnh, Nghị định thư 7 (Hệ thống quá cảnh Hải quan) của Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hoá quá cảnh đã được ký kết. Các Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN ngày càng đóng vai trò tích cực trong việc đẩy mạnh hoạt động của chính sách một cửa trong nước và chính sách một cửa ASEAN, việc này sẽ đặt nền móng cho mối quan hệ chung giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp cũng như các nhà hoạt động kinh tế khi thông quan hàng hóa.

Các Tổng cục trưởng Hải quan cũng đã thông qua hướng dẫn quản lý rủi ro hải quan ASEAN trong Hội nghị lần thứ 19 giữa Các Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN. Văn bản này hướng dẫn các nước thành viên thực hiện thông quan hải quan một cách dễ dàng và tuân thủ quy định cũng như luật pháp liên quan khác.

Định hướng trong tương lai

ASEAN sẽ tiếp tục công cuộc hiện đại hóa thủ tục hải quan sao cho phù hợp với bản kế hoạch hành động của cộng đồng kinh tế ASEAN. Thực hiện các điều khoản của hiệp định hải quan và hiệp định tối ưu hóa ATIGA trong ASEAN sẽ là nhân tố hết sức quan trọng trong quá trình tự do hóa dòng chu chuyển hàng hóa trong AEC.



Cơ chế một cửa ASEAN (ASW)

Cơ chế một cửa là yếu tố quan trọng trong kế hoạch hành động ASEAN trong tiến trình hiện thực hóa AEC vào năm 2015. Khi ASW hoạt động với đầy đủ chức năng, việc thuận lợi hóa dòng chu chuyển hàng hóa trong khu vực sẽ có tiến bộ đáng kể nhờ áp dụng cơ chế trao đổi dữ liệu điện tử về hàng hóa thông quan trong các thành viên ASEAN (AMS). Cơ chế một cửa quốc gia (NSWs) sẽ liên kết với nhau thông qua ASW cho phép các doanh nghiệp nộp tất cả các văn bản giấy tờ liên quan tới hoạt động thương mại về cùng một nơi và cũng chính các cơ quan chuyên trách trong ASEAN sẽ xem xét và đưa ra quyết định ở chính nơi mà doanh nghiệp làm thủ tục giấy tờ.

Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan đã và đang thực hiện cơ chế NSWs ở các mức độ khác nhau. Trong AMS, các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp ngày càng tận dụng NSWs để nộp và tiếp cận các mẫu tờ khai hải quan khác nhau, đồng thời để hoàn thành nghĩa vụ pháp lý của mình. Cambodia, Lao, Myanmar và Việt Nam hiện đang trong pha đầu tiên của quá trình phát triển này và cũng đang thực hiện các ứng dụng hải quan điện tử bao gồm có việc nộp giấy tờ, chọn lọc, thanh toán thuế và các biên lai thuế. Gần đây, Lào và Việt Nam cũng đạt được những đổi mới quan trọng trong việc triển khai NSW.

Trong năm 2010, ASEAN đã thông qua mô hình dữ liệu ASEAN (ADM), đây là mô hình hữu ích, hòa hợp dữ liệu của 13 mẫu khác nhau hiện đang được sử dụng trong các giao dịch thương mại trong ASEAN và cho phép AMS sử dụng một ngôn ngữ chung để trao đổi dữ liệu điện tử. AMS hiện đang cập nhật mô hình dữ liệu của mình dựa vào mô hình dữ liệu cập nhật nhất của tổ chức hải quan thế giới.

Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia và Philippines hiện đã thành công trong việc trao đổi dữ liệu điện tử ATIGA trên mẫu D trong khu vực. Qua đó, các dữ liệu trực tuyến cũng sẽ được trao đổi giữa Malaysia và Indonesia,

cho phép quá trình thông quan diễn ra nhanh hơn với việc sử dụng các mẫu điện tử thay vì mẫu trên giấy.

ASEAN cũng đã phát triển các ứng dụng phần mềm phục vụ quá trình xem xét các tờ khai hải quan trong ASEAN (ACDD), theo đó các tờ khai xuất khẩu sẽ được trao đổi giữa các cơ quan hải quan của các nước khiến cho việc thông quan dễ dàng hơn.

Các nước ASEAN đã đầu tư đáng kể công sức và nhân lực thiết lập ASW và đang bắt tay thiết lập cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) cần thiết cũng như các cơ chế pháp lý phù hợp để trao đổi dữ liệu điện tử qua ASW. Hạ tầng ICT và một khung pháp lý tin cậy, an toàn sẽ tạo cơ sở cho hoạt động tương tác pháp lý và kỹ thuật giữa các nước thành viên. AMS đã ký một Bản Ghi nhớ cho phép các nước thành viên tham gia và thử nghiệm cơ chế ASW này từ 2012.

Các nước thành viên ASEAN hiện cũng đang xem xét một số vấn đề quan trọng của ASW như: quá trình kinh doanh, hòa hợp dữ liệu, tính an toàn và ổn định của hệ thống.

Mối liên hệ đầu tiên giữa các nhà hoạt động kinh tế với cộng đồng kinh doanh thương mại thực sự quan trọng vì chính họ sẽ là những thành phần triển khai cơ chế ASW này. Cũng trong bối cảnh đó và trong bước tiếp theo của quá trình thực hiện, các thành viên ASEAN nhất trí phát triển một chương trình làm việc gắn kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước với khu vực tư nhân.

Đánh giá mức độ phù hợp trong ASEAN

Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRAs) là thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều bên cùng thừa nhận hoặc chấp nhận các nhân tố đánh giá tiêu chuẩn hàng hóa. Thỏa thuận này góp phần làm giảm yêu cầu một sản phẩm phải trải qua nhiều quá trình kiểm tra khác nhau để có thể bán ra ngoài thị trường hoặc sử dụng tại các quốc gia ASEAN khác nhau. MRAs cũng góp phần làm giảm chi phí kiểm tra báo cáo, đồng thời nâng cao độ tin cậy của các sản phẩm gia nhập thị trường. Người tiêu dùng cũng được đảm bảo hơn với chất lượng hàng hóa, các loại hàng hóa này đã được kiểm chứng theo đúng những quy định của MRAs.

Hiệp định khung ASEAN về thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau được ký kết năm 1998 là cơ sở để các nước thành viên thông qua MRAs cho các khu vực kinh tế khác nhau. MRAs được coi là thỏa thuận ở cấp quốc gia áp dụng đối với các sản phẩm từ các quốc gia đó.

MRAs đối với các ngành trong ASEAN

Tính đến thời điểm hiện tại, ASEAN đã có hai bộ MRAs chuyên ngành áp dụng cho ngành điện, điện tử và ngành dược.

MRAs trong ngành điện, điện tử được ký kết năm 2002 áp dụng cho các trang thiết bị điện, điện tử có hiệu điện thế thấp hoặc chạy bằng pin. Hiện tại có 17 phòng thí nghiệm và ba cơ quan cấp giấy chứng nhận được áp dụng MRAs. Theo MRA ngành này, bất kỳ thiết bị điện và điện tử nào cũng sẽ được kiểm chứng và cấp chứng nhận của các cơ quan hoặc phòng thí nghiệm nói trên và được chấp nhận rộng rãi đáp ứng được các yêu cầu quy định của các nước thành viên ASEAN.

Thỏa thuận thừa nhận theo ngành cho hoạt động sản xuất hàng hóa (GMP) áp

dụng cho hoạt động sản xuất dược phẩm được ký kết năm 2009 đòi hỏi phải
thừa nhận giấy chứng nhận hoặc báo cáo khảo sát GMP do các cơ quan khảo
sát được chấp nhận trong ASEAN phụ trách cấp theo phạm vi của MRAs.



Hòa hợp các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật

Sự khác nhau giữa các tiêu chuẩn sản phẩm quốc gia thường gây trở ngại cho hoạt động thương mại. Kinh doanh trong AEC đòi hỏi phải có sự hòa hợp các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật cũng như sự thừa nhận các báo cáo và chứng nhận kiểm định của nhau.

Các tiêu chuẩn hoặc các quy định kỹ thuật khác nhau sẽ trở thành chướng ngại vật rất lớn đối với người sản xuất cũng như người xuất khẩu. Việc hòa hợp tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và hợp lý hóa các quy trình thẩm định sẽ góp phần quan trọng trong công tác lợi thế hóa thương mại ngành.

ASEAN cũng đang phát triển bộ quy tắc áp dụng cơ chế nhận biết, cơ chế này sẽ chỉ ra liệu một sản phẩm có đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật hòa hợp của ASEAN hay không. Bộ quy tắc nói trên sẽ cho thấy các sản phẩm có đáp ứng được yêu cầu hòa hợp của ASEAN hay không.

Tuân thủ các tiêu chuẩn và thực tiễn quốc tế

Phương pháp chuẩn bị, điều chỉnh hoặc ứng dụng các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật cũng như mức độ phù hợp đều căn cứ vào tiêu chuẩn và thực tiễn quốc tế, bao gồm việc tuân thủ tối đa các tiêu chuẩn và thực tiễn quốc tế cùng với các nghĩa vụ được nêu trong hiệp định rào cản kỹ thuật thương mại (TBT) trừ trường hợp có lý do khác.

Chính sách hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn và mức độ phù hợp trong ASEAN được thông qua vào năm 2005 đã đưa ra các nguyên tắc hướng dẫn thực hiện cho các nước thành viên có các ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực liên quan và cả trong các lĩnh vực không liên quan.

Hướng dẫn thực hiện quản lý hàng hóa ASEAN giải thích đầy đủ cho các nhà quản lý, hỗ trợ họ chuẩn bị và thông qua các chương trình quản lý hiệu quả, nâng cao tính minh bạch và nhất quán của các quy định kỹ thuật, giảm thiểu

các rào cản pháp lý trong thương mại.

Hòa hợp các tiêu chuẩn

Trong năm 1997, việc hòa hợp quản lý được bắt đầu với 20 sản phẩm ưu tiên. Kết quả cho thấy 58 tiêu chuẩn áp dụng cho các trang thiết bị điện và 3 tiêu chuẩn áp dụng cho các sản phẩm từ cao su đã được hòa hợp. Quy trình trên cũng được áp dụng tương tự đối với các sản phẩm trong ngành dược.

Sản phẩm và các tiêu chuẩn đi kèm	Công việc đã hoàn thành
Các trang thiết bị điện ISO, IEC & ITU	58 tiêu chuẩn được hòa hợp
An toàn điện IEC	71 tiêu chuẩn được hòa hợp
Thiết bị điện từ CISPR	10 tiêu chuẩn được hòa hợp
Các sản phẩm từ cao su ISO	3 tiêu chuẩn được hòa hợp
Dược phẩm: Hội nghị Liên quốc gia về điều hợp những yêu cầu kỹ thuật cho việc đăng ký dược phẩm dùng cho người (ICH)	Hoàn thành bộ hồ sơ kỹ thuật chung của ASEAN (ACTD) và yêu cầu kỹ thuật chung của ASEAN (ACTR)

Việc hòa hợp quản lý trong các ngành ưu tiên hội nhập đang được triển khai, bao gồm các sản phẩm nông nghiệp, mỹ phẩm, ngư nghiệp, dược phẩm, các sản phẩm từ cao su, các sản phẩm từ gỗ, ô tô, xây dựng, dụng cụ y tế, y học cổ truyền và các ngành hỗ trợ chăm sóc sức khỏe.

Hòa hợp các quy định kỹ thuật

ASEAN đã hợp nhất cách quản lý kỹ thuật cho ngành mỹ phẩm (theo hiệp định hòa hợp quản lý mỹ phẩm ASEAN ký năm 2003) và ngành công nghiệp điện, điện tử (theo hiệp định hòa hợp quản lý trang thiết bị điện và điện tử ASEAN) ký năm 2005.

Việc hòa hợp quản lý kỹ thuật đối với các ngành sản xuất sản phẩm nông nghiệp, ô tô, dụng cụ y tế, ngành y học cổ truyền và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cũng đang được thực hiện.



Đảm bảo tính an toàn của dược phẩm trong ASEAN

Năm 2009, các bộ trưởng ASEAN đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau theo ngành (MRA) cho hoạt động sản xuất hàng hóa (GMP) và công tác giám sát hoạt động sản xuất dược phẩm tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 14 diễn ra tại Pattaya, Thái Lan.

MRA cho GMP đòi hỏi phải có sự thừa nhận lẫn nhau giữa các nước trong khu vực đối với giấy chứng nhận GMP và các báo cáo kiểm soát. Những chứng chỉ, báo cáo này được sử dụng làm cơ sở cho hoạt động quản lý như phê chuẩn hoặc cấp phép sản xuất, hỗ trợ đánh giá mức độ phù hợp của các tiêu chuẩn sau khi đưa sản phẩm vào thị trường, cung cấp thông tin liên quan tới các cơ sở phục vụ sản xuất như phòng thí nghiệm tiêu chuẩn bên ngoài hoặc nội bộ. Báo cáo cũng cung cấp các thông tin về các công ty dược phẩm, công thức liều lượng được sử dụng và kiểm chứng liệu các nhà sản xuất có đáp ứng đúng theo quy định GMP hay không.

Theo MRA các cơ sở sản xuất các sản phẩm y tế phải đảm bảo được cấp phép hoạt động sản xuất, đồng thời được phép đặt nghi vấn đối với bất kỳ hoạt động sản xuất nào. Các cơ sở này sẽ được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo tuân theo các tiêu chuẩn GMP đồng thời cũng để đảm bảo thực hiện theo hướng dẫn hợp tác giám sát dược phẩm (PIC/S) với GMP cho các sản phẩm y tế hoặc mã GMP tương đương đảm bảo nghĩa vụ theo MRA.

Các lợi ích từ thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong ngành dược

Việc thực hiện theo MRA góp phần nâng cao tính an toàn, chất lượng cũng như hiệu quả của các sản phẩm y tế được sản xuất trong ASEAN, đảm bảo các sản phẩm này sẽ liên tục được sản xuất và kiểm soát theo những nguyên tắc sản xuất hàng hóa được thừa nhận từ trước và theo những quy chuẩn chất lượng trong ASEAN.

MRA mang đến lợi ích cho cả nhà sản xuất và người tiêu dùng trong ngành y

tế. Chi phí kinh doanh đối với các nhà sản xuất sẽ giảm đáng kể vì họ sẽ không phải thực hiện các quy trình kiểm định và chứng nhận sản phẩm. Người tiêu dùng cũng có lợi hơn từ sự đảm bảo chất lượng, tính an toàn và hiệu quả của các sản phẩm y tế mà họ sử dụng.



THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ



Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS)

Trong khu vực ASEAN, lĩnh vực dịch vụ đóng vai trò khá quan trọng, góp phần đáng kể vào việc gia tăng GDP của từng nước thành viên. Giá trị sản phẩm dịch vụ chiếm tới 40% đến 60% GDP. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ thương mại trong ASEAN gia tăng nhanh chóng, từ 79 tỷ USD trong năm 2003 đến 219 tỷ USD trong năm 2010.

Nhận thấy tầm quan trọng ngày càng gia tăng của hội nhập nội khối ASEAN đối với lĩnh vực dịch vụ, các bộ trưởng kinh tế ASEAN (AEM) đã ký kết hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS) trong năm 1995 tại Bangkok, Thailand. AFAS hướng tới các mục tiêu sau:

- Đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ ngay tại các quốc gia thành viên ASEAN để nâng cao tính hiệu quả và khả năng cạnh tranh ngành dịch vụ ASEAN, đa dạng hóa năng lực sản xuất, nguồn cung và phân phối dịch vụ;
- Xóa bỏ rào cản thương mại trong lĩnh vực dịch vụ;
- Tự do hóa thương mại dịch vụ bằng việc tự do hóa sâu và rộng hơn, không chỉ dừng lại ở
- những dịch vụ được đề cập tới trong hiệp định thương mại chung về dịch vụ của tổ chức thương mại thế giới

Theo AFAS, các nước thành viên cam kết tiếp tục tham gia vào các vòng đàm phán tự do hóa thương mại dịch vụ nội khối ASEAN. Các vòng đàm phán đều hướng tới mức độ cam kết cao hơn trong lĩnh vực này, đây là những cam kết nằm trong gói cam kết dịch vụ được đề cập đến trong phụ lục của hiệp định khung. Cho đến 2015, Gói cam kết thứ 10 của AFAS sẽ được thực hiện.

Từ tháng 12/2013, các nước ASEAN đã tiến hành đàm phán một Hiệp định Thương mại Dịch vụ ASEAN mới (ATISA).

Những thành tựu đạt được

Kể từ thời điểm ký kết AFAS năm 1995 đến nay, ASEAN đã trải qua 8 vòng đàm phán và đạt được 8 gói cam kết dịch vụ. Các gói dịch vụ này bao hàm tất cả các mặt của dịch vụ theo nội dung trong cuộc họp của các bộ trưởng kinh tế (AEM) như kinh doanh, dịch vụ chuyên nghiệp, xây dựng, phân phối, giáo dục, môi trường, y tế, vận tải biển, viễn thông và du lịch.

Các gói cam kết này được thực hiện thông qua các nghị định thư do AEM ký kết và cập nhật đầy đủ chi tiết của tiến trình tự do hóa trong các ngành phụ trợ dịch vụ (thông tin chi tiết tại website <http://www.asean.org>).

Bắt đầu từ gói cam kết thứ 5 trở đi, mỗi gói cam kết tiếp theo của AFAS đều bao gồm tất cả cam kết mà các nước thành viên ASEAN đã cam kết trong tổ chức thương mại thế giới WTO, các gói cam kết trước đó, và cả các cam kết mới hay nói cách khác là các cam kết được điều chỉnh. Do đó, những người hoạt động trong lĩnh vực này sẽ biết được đầy đủ thông tin liên quan tới các cam kết dịch vụ của các nước thành viên ASEAN trong WTO và cả AFAS thông qua các nội dung được đề cập đến trong gói AFAS gần đây nhất.

Cùng với các gói AFAS, còn có 5 gói cam kết dịch vụ tài chính bổ sung được ký kết bởi các bộ trưởng tài chính ASEAN (<http://www.asean.org/communities/asean-economic-community/category/agreements-declarations-6>) và 8 gói cam kết dịch vụ vận tải đường hàng không khác được ký kết bởi các bộ trưởng giao thông vận tải ASEAN (<http://www.asean.org/communities/asean-economic-community/category/agreements-on-transportation-and-communication>).

Các cam kết AFAS gần nhất

Các nước thành viên ASEAN vẫn tiếp tục điều chỉnh các gói cam kết của mình.

Gói cam kết thứ 9 là gói cam kết gần đây nhất được dự định sẽ được ký kết vào 2014 và sau đó là gói cam kết thứ 10 vào năm 2015. Liên quan tới một số vấn đề trước khi đi đến ký kết, các cam kết này phải cùng hướng tới mục tiêu trong bản kế hoạch hành động của AEC, bao gồm:

- Lên kế hoạch xóa bỏ các hạn chế sản xuất và tiêu dùng trong khu vực và trên thế giới (Phương thức 1 và 2);
- Cho phép các đối tác nước ngoài góp cổ phần lên đến 51% hoặc hơn (Phương thức 3); Tích cực xóa bỏ các hạn chế.

Các nước ASEAN được trông đợi sẽ tiếp tục cam kết sâu rộng hơn để đạt được mục tiêu dòng chu chuyển dịch vụ tự do vào năm 2015.



Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong ngành dịch vụ

Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong ngành dịch vụ, một ngành khá phát triển gần đây trong ASEAN, cho phép chứng chỉ của các nhà cung cấp dịch vụ được cấp bởi các cơ quan chức năng tương ứng tại quốc gia của mình sẽ được thừa nhận bởi các nước thành viên khác trong khu vực. Việc này sẽ tạo động lực cho các nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp trong ASEAN hoạt động theo đúng những nguyên tắc và quy định tương ứng trong nước.

MRA ASEAN trong ngành dịch vụ

Hiệp định khung ASEAN trong ngành dịch vụ (AFAS) được ký kết bởi các bộ trưởng kinh tế ASEAN vào năm 1995 tại Bangkok, Thailand đã ghi nhận tầm quan trọng của MRA trong việc hội nhập toàn bộ ngành dịch vụ trong ASEAN. Điều khoản số V của AFAS thể hiện:

“Mỗi nước thành viên có thể thừa nhận trình độ giáo dục, kinh nghiệm, tiêu chuẩn, hoặc bằng cấp, chứng chỉ được cấp tại một nước thành viên ASEAN khác miễn là chúng phản ánh đúng mục đích cấp bằng hoặc chứng chỉ. Sự thừa nhận này có thể căn cứ vào hiệp định hoặc thỏa ước giữa các nước thành viên liên quan hoặc được chấp nhận một cách tự động”

Các nguyên thủ ASEAN tại hội nghị thượng đỉnh lần thứ 7 diễn ra vào năm 2001 tại Bandar Seri Begawan, Brunei Darussalam đã đồng ý bắt đầu đàm phán MRA để tăng cường dòng chu chuyển dịch vụ chuyên nghiệp theo AFAS. Ủy ban điều phối dịch vụ ASEAN (CCS) đã lập một nhóm chuyên gia MRA trong ngành dịch vụ vào tháng 7 năm 2003 để đàm phán MRAs dịch vụ. Kết quả là, CCS đã thành lập được một nhóm chuyên trách trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe vào tháng 3 năm 2004, nhóm này sẽ thực hiện công tác đàm phán về MRAs trong ngành dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Những thành tựu đạt được

Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau đã được chấp nhận và ký kết bởi các bộ trưởng bao gồm:

- MRA trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật (2005)
- MRA trong lĩnh vực dịch vụ điều dưỡng (2006)
- MRA trong lĩnh vực dịch vụ kiến trúc và thỏa thuận khung thừa nhận lẫn nhau đối với chứng chỉ giám sát (2007)
- MRA trong lĩnh vực kế toán, MRA đối với nghề bác sỹ và nha sỹ.

MRA đối với các chuyên viên du lịch cũng được thông qua tại phiên họp lần thứ 12 của các bộ trưởng du lịch ASEAN (MAMT) trong năm 2009 tại Hà Nội, Việt Nam.

Các cơ quan chức năng cũng được thiết lập để quản lý thực hiện MRA trong lĩnh vực dịch vụ, đảm bảo các chuyên gia trong ASEAN đều được hưởng lợi ích cụ thể từ các thỏa ước này.

Trong khi MRAs đối với nghề bác sỹ và nha sỹ tập trung chủ yếu vào sự hợp tác thì MRAs đối với nghề kỹ sư và kiến trúc sư chỉ là tạo ra sự hợp tác, song đều cùng hướng tới mục đích thừa nhận lẫn nhau các chuyên viên có trình độ trong ASEAN. MRA trong lĩnh vực kế toán và dịch vụ giám sát lại cung cấp một nguyên tắc khung để đàm phán song phương và đa phương trong khu vực ASEAN.

ĐẦU TƯ



Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)

ASEAN hướng tới mục tiêu là điểm đến đầu tư hấp dẫn trong quá trình hội nhập khu vực vào năm 2015. Vào tháng 2 năm 2009, các bộ trưởng ASEAN đã ký kết hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) nhằm tạo ra một cơ chế đầu tư minh bạch, thông thoáng và tự do theo đúng tiêu chí khi hội nhập kinh tế ASEAN.

ACIA, theo đúng như tên gọi, là một hiệp định đầu tư toàn diện nhằm cải thiện môi trường đầu tư sao cho cạnh tranh, minh bạch, tự do và thông thoáng hơn. Căn cứ vào 2 hiệp định đầu tư ASEAN trước đó là hiệp định ASEAN năm 1997 về việc thúc đẩy và bảo vệ hoạt động đầu tư, cũng được biết đến với cái tên hiệp định đảm bảo hoạt động đầu tư ASEAN (ASEAN IGA) và hiệp định khung về hoạt động đầu tư ASEAN (thường được biết đến với tên gọi hiệp định AIA), ACIA:

- Một lần nữa nhắc lại các điều khoản trong IGA và AIA
- Điều chỉnh căn cứ vào các điều khoản của 2 hiệp định trước đó và căn cứ vào thực tiễn đầu tư quốc tế;
- Bao gồm các điều khoản định hướng cho 4 vấn đề chính là tự do hóa, bảo vệ, lợi thế hóa và thúc đẩy hóa.

Các điều khoản toàn diện của ACIA sẽ bảo vệ hơn nữa cho các hoạt động đầu tư và nâng cao sự tự tin của các nhà đầu tư trong khu vực. Hiệp định này cũng bao gồm các điều khoản mới về giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan tới nhà đầu tư trong nước, chuyển giao và đãi ngộ đầu tư. ACIA cũng đề cập tới một danh sách các hạn chế đầu tư và các tiêu cực trong đầu tư, đồng thời cũng gia tăng tính tự do trong khoảng thời gian định trước theo đúng các pha trong AEC. Ngoài ra, ACIA còn bao gồm các điều khoản mới về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs), hoạt động quản lý và bộ phận lãnh đạo. Những nỗ lực không ngừng của ASEAN nhằm tạo ra một môi trường đầu tư rộng khắp và ưu đãi hơn sẽ thúc đẩy các dòng đầu tư và hấp dẫn các nhà đầu tư

đầu tư hơn nữa, đồng thời gia tăng hoạt động đầu tư nội khối ASEAN. ACIA còn nâng cao sự tự tin của các nhà đầu tư trong khu vực và khuyến khích hơn nữa hoạt động đầu tư nội khối ASEAN, đặc biệt là đầu tư của các công ty đa quốc gia trong ASEAN và mở rộng hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp vừa và nhỏ SME, thúc đẩy sự đóng góp của họ đối với tình hình phát triển kinh tế và hội nhập trong khu vực ASEAN.



HỘI NHẬP TÀI CHÍNH



Hội nhập tài chính trong cộng đồng kinh tế ASEAN

Hội nhập thị trường vốn và thị trường tài chính ASEAN vào năm 2015 được đề cập đến trong bản kế hoạch hành động AEC sẽ tạo ra hệ thống tài chính khu vực thông suốt với cơ chế tài khoản vốn tự do hơn. Các thị trường vốn được liên kết với nhau theo đó sẽ thúc đẩy hoạt động thương mại và đầu tư khu vực.

Như đã được chỉ ra trong tiến trình hội nhập tài chính và tiền tệ trong ASEAN (RIA-fin), hội nhập tài chính ASEAN sẽ được tạo điều kiện, cụ thể như sau: tự do hóa dịch vụ tài chính, tự do hóa tài khoản vốn và phát triển thị trường vốn.

Tự do hóa dịch vụ tài chính

Tự do hóa nhanh chóng dịch vụ tài chính vào năm 2015 sẽ khiến cho hoạt động thương mại được tự do nhiều hơn thông qua tiếp cận rộng hơn với dịch vụ tài chính. Vào tháng 5 năm 2011, các bộ trưởng tài chính ASEAN đã đi đến vòng đàm phán thứ 5 và sau đó ký kết nghị định thư thực hiện gói cam kết thứ 5 đối với dịch vụ tài chính theo hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS). Sau đó vòng đàm phán thứ 6 được tổ chức với nội dung bàn về việc gia tăng hơn nữa khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính.

Tự do hóa tài khoản vốn

Việc dỡ bỏ kiểm soát và hạn chế vốn như: xóa bỏ hạn chế đối với các giao dịch trên tài khoản vãng lai, xóa bỏ hạn chế đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài và danh mục đầu tư (dòng vào và dòng ra) sẽ nâng cao lợi thế của dòng chu chuyển vốn tự do trong ASEAN. Những nỗ lực đáng kể đã được thực hiện nhằm nới lỏng hạn chế đối với giao dịch mua bán ngoại tệ, thanh toán cho các giao dịch vô hình và giao dịch chuyển tiền. Các nước thành viên ASEAN đã hoàn thành việc đánh giá và đưa ra quy định đối với sự chu chuyển tự do hơn của các dòng vốn FDI đồng thời cũng bắt đầu thực hiện công tác đánh giá hoạt động đầu tư theo danh mục.

Các quốc gia này cũng đã và đang sửa đổi các điều luật và quy định thúc đẩy hoạt động đầu tư theo danh mục và FDI.

Sự phát triển của thị trường vốn

Xây dựng cơ sở vật chất dài hạn cho thị trường vốn là để thúc đẩy hợp tác xuyên quốc gia giữa các thị trường vốn trong khu vực. Bản kế hoạch hành động cho thị trường vốn hội nhập đã được xây dựng và phát triển nhằm mục đích nâng cao phương pháp tiếp cận thị trường, kết nối thị trường cũng như khả năng thanh khoản trên thị trường.

Để lấp đầy khoảng cách giữa các thị trường phát triển và các thị trường mới nổi, bản phương pháp tiếp cận theo 2 hướng để phát triển thị trường vốn đã được thông qua. Một nhóm hành động cũng được thành lập với chức năng liên kết các chuyên gia thị trường nhằm mục đích giải quyết các trở ngại khi thiết lập thị trường trái phiếu ASEAN hội nhập.

Các chương trình xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật cho sự phát triển của thị trường vốn cũng được chú trọng nâng cao. Thang chỉ tiêu phát triển thị trường trái phiếu ASEAN được thiết lập đảm bảo tính nhất quán theo thị trường vốn căn cứ vào các tiêu chuẩn cũng như hiệp định khung về hỗ trợ các dự án và hoạt động đầu tư xuyên quốc gia.

Tháng 4 năm 2011, mục tiêu và động lực của thị trường chứng khoán ASEAN đã được đề cập đến trong cuộc họp bộ trưởng tài chính ASEAN lần thứ 15 diễn ra tại Bali, Indonesia, với mục đích thúc đẩy ASEAN trở thành một đối tượng trong liên kết điện tử giữa các thị trường chứng khoán khu vực.

Hội nhập và ổn định tài chính khu vực Đông Á

ASEAN đang hướng tới mục tiêu hỗ trợ ổn định tài chính tại khu vực Đông Á và khuyến khích hội nhập tài chính sâu hơn với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn

Quốc. Mục tiêu này được cụ thể hóa bằng Thỏa thuận Đa phương hóa sáng kiến *Chiang Mai* (CMIM) và thiết lập một thỏa thuận hoán đổi tiền tệ đa biên trị giá 120 tỷ USD vào tháng 3 năm 2010 nhằm hỗ trợ cho các quốc gia gặp khó khăn về thanh khoản. Năm 2013, Hiệp định Đa phương hoá Sáng kiến Chiềng Mai (CMIM) mới thay thế cho Hiệp định cũ đã được ký kết, với quy mô quỹ CMIM sẽ được tăng gấp đôi từ 120 tỷ USD lên 240 tỷ USD và bổ sung thêm cơ chế ngăn ngừa khủng hoảng. Đến 2013, Hiệp định về việc thành lập Tổ chức kiểm tra giám sát tài chính và kinh tế vĩ mô (AMRO) đã được ký kết, trở thành cơ quan quản lý Quỹ CIMM.

Sáng kiến thị trường trái phiếu ASEAN (ABMI) được đưa ra năm 2005 thúc đẩy tham gia sâu hơn nữa vào thị trường trái phiếu ASEAN +3 (gồm các nước ASEAN và 3 nước là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản). Trong thời gian qua, ABMI cũng đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, trong đó có việc thành lập và đi vào hoạt động của Quỹ bảo lãnh và tín dụng đầu tư (CGIF). Theo đó CGIF sẽ bảo lãnh cho doanh nghiệp phát hành trái phiếu huy động vốn trên thị trường vốn trong nước và dưới sự bảo lãnh của CGIF, trái phiếu doanh nghiệp sẽ được xếp hạng AAA (bằng mức xếp hạng của ADB).

Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát kinh tế trong khu vực

Quy trình giám sát ASEAN đã được thực hiện vào năm 1999, hỗ trợ công cuộc đàm phán chính sách, xem xét lại hoạt động kinh tế cũng như hội nhập kinh tế tài chính trong khu vực. Văn phòng giám sát hội nhập ASEAN chính thức được thành lập vào tháng 5 năm 2010 để nâng cao hiệu quả kiểm tra của văn phòng ASEAN trong công tác giám sát hội nhập kinh tế khu vực, cùng lúc đảm bảo mục tiêu thành lập AEC vào năm 2015.

Thỏa thuận đa phương hóa sáng kiến *Chiang Mai* (CMIM)

Vào tháng 3 năm 2010, Thỏa thuận đa phương hóa sáng kiến *Chiang Mai* (CMIM) chính thức có hiệu lực sau khi được 5 nước thành viên ASEAN và ASEN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) thông qua.

CMIM – thỏa thuận hoán đổi tiền tệ đa biên trị giá 120 tỷ USD với mục tiêu giải quyết khó khăn về thanh khoản trong ngắn hạn trong khu vực ASEAN cùng với thỏa thuận tài chính quốc tế bổ trợ lần đầu tiên được hình thành vào năm 2000 tại hội nghị bộ trưởng tài chính ASEAN+3 diễn ra tại Chiang Mai, Thái Lan. Sáng kiến này đưa ra hướng dẫn về thanh khoản cụ thể được đề cập đến trong thỏa thuận hoán đổi ASEAN (ASA), hợp đồng hoán đổi tiền tệ song phương (BSAs) tại ASEAN và ASEAN+3. Năm 2013, Hiệp định Đa phương hoá Sáng kiến Chiềng Mai (CMIM) mới thay thế cho Hiệp định cũ đã được ký kết, với quy mô quỹ CMIM sẽ được tăng gấp đôi từ 120 tỷ USD lên 240 tỷ USD và bổ sung thêm cơ chế ngăn ngừa khủng hoảng.

Để thúc đẩy hiệu quả của BSAs, các bộ trưởng tài chính ASEAN+3 đã nhất trí hình thành hiệp định khung hỗ trợ thanh khoản hay nói cách khác chính là hiệp định đa phương hóa CMI vào năm 2006. Vào năm 2007, các bộ trưởng đã quyết định CMIM nên tồn tại dưới dạng một hợp đồng thỏa thuận quản lý góp vốn.

Tư cách thành viên và các đóng góp

Các thành viên CMIM, gồm có các nước ASEAN và các nước ASEAN +3 (gồm cả Hong Kong). Trong thỏa thuận hoán đổi tiền tệ đa biên trị giá 120 tỷ USD, các nước ASEAN đóng góp 24 tỷ USD, còn lại 96 tỷ USD đến từ các nước ASEAN +3. Năm 2013, Hiệp định Đa phương hoá Sáng kiến Chiềng Mai (CMIM) mới thay thế cho Hiệp định cũ đã được ký kết, quy mô quỹ CMIM được tăng gấp đôi từ 120 tỷ USD lên 240 tỷ USD nhưng vẫn giữ nguyên tỷ lệ đóng góp.

Theo hợp đồng góp vốn, các nước thành viên ASEAN sẽ đóng góp vào thỏa ước dưới dạng một thư cam kết. Mỗi nước thành viên sẽ phải chuyển số vốn góp chiếu lệ theo các cam kết cho bên đối tác sau khi các yêu cầu được chấp nhận. Trên thực tế, nếu không có bất cứ yêu cầu vốn từ quốc gia nào khác thì mỗi quốc gia sẽ tự quản lý nguồn vốn của mình.

Các điều kiện và điều khoản của thỏa ước hoán đổi tiền tệ

Tất cả các bên tham gia vào CMIM đều có thể tiếp cận thỏa ước này. Lượng tiền tối đa mà mỗi nước có thể rút là cấp số nhân của khoản vốn góp. 20% của số tiền này có thể được rút ra mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ thỏa thuận nào với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Số tiền còn lại trong quỹ có thể được rút ra nếu IMF có một dự án hoặc sẽ có một dự án khả thi. Mỗi thỏa thuận hoán đổi tiền tệ sẽ đáo hạn trong vòng 90 ngày sau ngày rút tiền và có thể được gia hạn tới 7 lần. Để rút tiền mà không cần phải thông qua IMF, hợp đồng hoán đổi này phải là hợp đồng có thể gia hạn được tối đa 3 lần. Việc đi vay phải thực hiện bằng đồng đô la và phải chịu một khoản tiền lãi nhất định (áp dụng theo lãi suất liên ngân hàng London hoặc LIBOR và cộng thêm một khoản phí).

Thủ tục hoạt hóa hợp đồng hoán đổi và quá trình ra quyết định

Theo CMIM, mỗi bên có nhu cầu đều có thể vay vốn từ các nước thành viên trong thỏa ước hoán đổi (bao gồm các nước ASEAN và ASEAN +3). Việc chấp nhận và giải ngân được thực hiện trong vòng tối đa 2 tuần sau khi nhận được yêu cầu vay vốn. Khi yêu cầu này được chấp nhận, các nước tham gia vào thỏa ước hoán đổi phải chuyển tiền tới tài khoản của nước yêu cầu, và đây cũng là nước sau đó phải chuyển một khoản tiền tương tự bằng đồng nội tệ vào tài khoản của các nước tham gia khác. Tất cả quyết định liên quan tới điều hành hoạt động (như chấp thuận rút tiền, gia hạn khoản tiền rút, điều kiện từ chối) sẽ do người đại diện ngân hàng trung ương ASEAN+3 đưa ra. Đổi lại, các bộ trưởng tài chính ASEAN+3 sẽ chịu trách nhiệm về các quyết định liên quan tới vấn đề cơ bản như quy mô của quỹ, lượng tiền đóng góp và tư cách thành viên tới CMIM.

Tầm quan trọng của kiểm tra giám sát trong khu vực

Văn phòng nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) được thành lập vào 2010, là một văn phòng giám sát độc lập trong khu vực, được thành lập tại Singapore nhằm hỗ trợ cho quá trình ra quyết định của CMIM. AMRO cũng sẽ chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động của CMIM. Đến 2013, với Hiệp định thành lập AMRO được ký kết, AMRO đã trở thành một tổ chức tài chính khu vực, có chức năng quản lý hoạt động của Quỹ CIMM.



**LƯƠNG THỰC,
NÔNG NGHIỆP,
VÀ LÂM NGHIỆP**



Hợp tác ASEAN trong ngành Lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp (FAF)

Lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp vốn là các ngành được ưu tiên hàng đầu trong ASEAN khi xem xét vai trò cũng như tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng kinh tế, xã hội và môi trường cũng như những đóng góp của các ngành này đối với an ninh lương thực và hạn chế nghèo đói trong tiến trình thành lập AEC vào năm 2015. ASEAN cam kết thành lập cơ sở sản xuất và thị trường thống nhất đồng thời gia tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm FAF trên thị trường quốc tế.

Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực nông lâm nghiệp sẽ làm gia tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp trong khu vực do có sự đảm bảo về chất lượng, an toàn và mức độ lợi ích sức khỏe. Thông qua việc hài hòa các tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn chứng nhận thương mại, các sản phẩm nông nghiệp của ASEAN dự kiến sẵn sàng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu bởi tính an toàn, bảo đảm và chất lượng cao. ASEAN đã và đang phát triển kế hoạch “Sản xuất nông nghiệp tốt” (GAP), tiêu chuẩn hóa sản xuất, xử lý hàng nông sản trong và sau thu hoạch. ASEAN cũng đưa ra giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu, công nhận tiêu chuẩn cho các sản phẩm chăn nuôi gia súc và tiêu chuẩn cho các doanh nghiệp, hướng dẫn thực hành quản lý hiệu quả trong ngư nghiệp, lập hệ thống quy tắc đạo đức, quy định trách nhiệm trong ngư nghiệp. Tất cả những quy định và hướng dẫn trên sẽ được sử dụng làm tài liệu tham khảo ưu tiên phát triển quốc gia và là phương tiện hỗ trợ ngành công -nông nghiệp. Các vấn đề xuyên suốt và mới nổi như an ninh lương thực, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và lâm nghiệp, vệ sinh dịch tễ (SPS) đều được đưa vào danh sách ưu tiên hợp tác.

Đảm bảo an ninh lương thực sẽ tiếp tục là một vấn đề cốt lõi của động lực phát triển trong cộng đồng kinh tế ASEAN. Với sự quan tâm ngày càng gia tăng

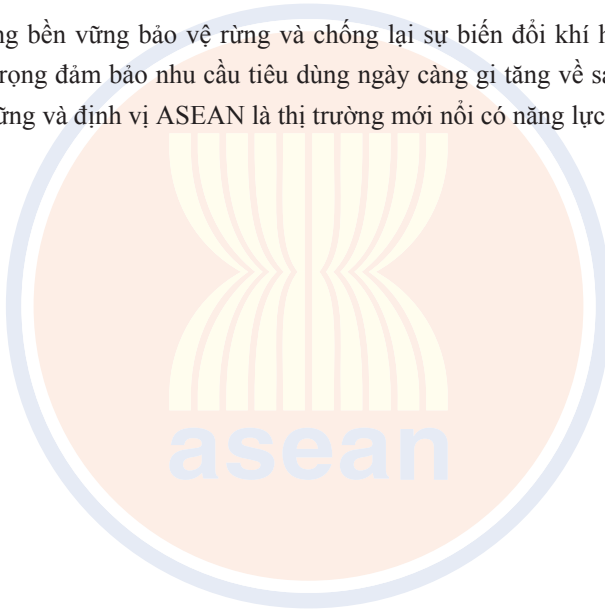
trong vấn đề an ninh lương thực, các nước thành viên ASEAN đã thông qua bản báo cáo về tình hình an ninh lương thực ASEAN, khuôn khổ An ninh lương thực tổng hợp ASEAN (AIFS) và Kế hoạch Chiến lược hành động An ninh lương thực ASEAN (SPA-FS) đã được thông qua để đảm bảo an ninh lương thực dài hạn và cải thiện đời sống của nông dân trong khu vực ASEAN.

Thỏa thuận khung đa ngành về biến đổi khí hậu trong ASEAN (AFCC): Nông nghiệp và Lâm nghiệp hướng tới an ninh lương thực, là một sáng kiến giải quyết những tác động của biến đổi khí hậu đối với hai ngành này. Rừng vẫn là nguồn tài nguyên thiên nhiên rất quan trọng đối với khu vực ASEAN về lợi ích kinh tế, môi trường và văn hóa xã hội. Thúc đẩy Quản lý Rừng bền vững (SFM), Thực thi Luật Lâm nghiệp và Quản trị (FLEG), Biến đổi khí hậu, giảm phá rừng và suy thoái Rừng (REDD) là những vấn đề luôn được ASEAN quan tâm và ưu tiên. Đây vốn là các hoạt động để cắt giảm lượng khí CO₂ và chặt phá rừng, đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ rừng, hướng tới sự phát triển kinh tế bền vững. Để đảm bảo hoạt động quản lý rừng bền vững và giải quyết các nguy cơ cũng như thách thức đối với ngành lâm nghiệp trong khu vực, ASEAN đã thông qua rất nhiều hướng dẫn và tiêu chuẩn, cụ thể như sau: (i) Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu ASEAN về Quản lý bền vững Rừng nhiệt đới bao gồm đánh giá, giám sát và báo cáo (MAR); (ii) Hướng dẫn ASEAN về việc thực hiện Đề xuất hành động IPF / IFF (Ban liên Chính phủ về Rừng / Diễn đàn liên chính phủ về Rừng); (iii) Hướng dẫn ASEAN về Phương pháp tiếp cận chứng nhận Rừng (PACT); (iv) Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu ASEAN về Hợp pháp gỗ. ASEAN cũng tái khẳng định cam kết của mình trong cuộc chiến chống khai thác gỗ bất hợp pháp và liên quan đến thương mại trong Báo cáo Bộ trưởng về Tăng cường Thực thi và Quản trị Luật Lâm nghiệp (FLEG) trong ASEAN. Những hướng dẫn và tiêu chuẩn này đã mang lại các hướng tiếp cận chung cho các nước thành viên, đảm bảo tối ưu việc sử dụng các tài nguyên rừng một cách hợp lý.

Những thách thức và Phương hướng cho tương lai

Sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp ở cấp quốc gia là rất cần thiết cho việc hiện thực hóa một thị trường chung ASEAN. Điều này đòi hỏi phải tập hợp các chính sách kinh tế vĩ mô; điều kiện kinh tế cụ thể của mỗi quốc gia, chất lượng giáo dục cho nông dân; áp dụng công nghệ phù hợp; truyền thông và tiếp thị nhằm cung cấp kịp thời thông tin đầu vào, nâng cao hiệu quả và giảm chi phí sản xuất.

Tăng trưởng bền vững bảo vệ rừng và chống lại sự biến đổi khí hậu cần phải được chú trọng đảm bảo nhu cầu tiêu dùng ngày càng gi tăng về sản phẩm sản xuất bền vững và định vị ASEAN là thị trường mới nổi có năng lực cạnh tranh.



Khuôn khổ An ninh lương thực tổng hợp ASEAN (AIFS)

Với nỗ lực bình ổn giá cả lương thực vốn đang biến động mạnh trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, ASEAN phải thông qua một chiến lược đảm bảo an ninh lương thực dài hạn trong khu vực.

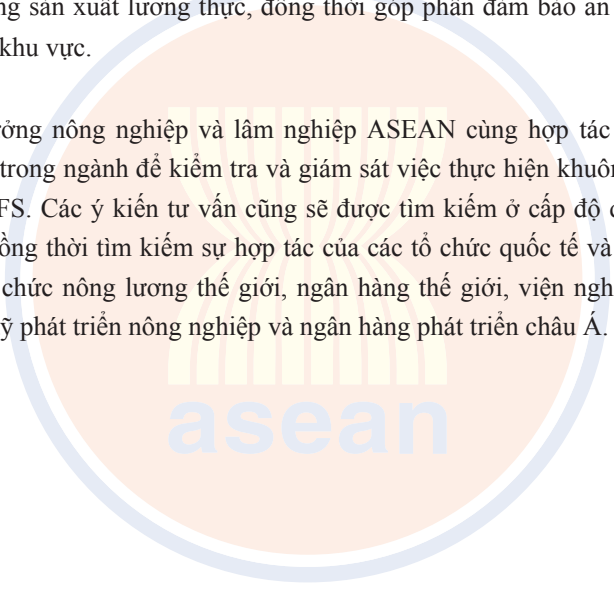
Khuôn khổ An ninh lương thực tổng hợp ASEAN (AIFS) và Kế hoạch Chiến lược hành động An ninh lương thực ASEAN (SPA-FS) được các nhà lãnh đạo ASEAN thông qua trong cuộc họp thượng đỉnh ASEAN lần thứ 14 vào năm 2009, đồng thời cũng đưa ra kế hoạch hành động 5 năm cho các nước thành viên nhằm hội nhập và đẩy mạnh an ninh lương thực. Khuôn khổ AIFS thúc đẩy tăng cường an ninh lương thực và phát triển sản xuất lương thực bền vững thông qua thay đổi cơ sở hạ tầng nông nghiệp, hạn chế tối đa thất thoát sau thu hoạch, cắt giảm chi phí giao dịch, tối đa hóa các nguồn tài nguyên nông nghiệp, thúc đẩy đổi mới nông nghiệp thông qua nghiên cứu và phát triển, gia tăng năng suất nông nghiệp, nhanh chóng chuyển giao tiếp thu công nghệ mới. Khuôn khổ AIFS hướng tới mục tiêu đẩy mạnh chương trình an ninh lương thực quốc gia, tạo ra cơ chế đảm bảo dự trữ an ninh lương thực trong khu vực, viện trợ lương thực trong trường hợp khẩn cấp và thiên tai trên diện rộng.

Các sáng kiến bổ sung đẩy mạnh hoạt động an ninh lương thực gồm có: nâng cấp thị trường và các giao dịch chủ chốt, khuyến khích phát triển bền vững trong sản xuất lương thực, khuyến khích nhiều hơn nữa các hoạt động đầu tư của khu vực tư nhân và nhà nước đối với phát triển ngành lương thực và công nghiệp dựa trên nền tảng nông nghiệp, đẩy mạnh hệ thống thông tin an ninh lương thực tổng hợp (như cảnh báo sớm, cơ chế kiểm tra giám sát). Hệ thống thương mại và thị trường chức năng sẽ góp phần đẩy mạnh dòng chu chuyển nông sản tự do từ các nước dư cung lương thực sang các nước còn thiếu. Đây chính là những nỗ lực mà AEC hiện đang thực hiện cùng với mục tiêu an ninh lương thực, điều này có thể dẫn đến đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, đẩy mạnh chuỗi giá trị lương thực và lợi thế

hóa thương mại giữa các quốc gia.

Các vấn đề mới xuất hiện liên quan tới an ninh lương thực như phát triển nhiên liệu sinh học và những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với an ninh lương thực cũng trở thành một bộ phận không thể tách rời của khuôn khổ AIFS. Liên quan tới vấn đề này, ASEAN đảm bảo bằng khuôn khổ đa ngành đối với vấn đề biến đổi khí hậu: Nông nghiệp và Lâm nghiệp hướng tới an ninh lương thực (AFCC), chiến lược cạnh tranh với an ninh lương thực và phát triển nguồn năng lượng sinh học. Những sáng kiến bổ sung này thúc đẩy sự phục hồi của các hệ thống sản xuất lương thực, đồng thời góp phần đảm bảo an ninh lương thực trong khu vực.

Các bộ trưởng nông nghiệp và lâm nghiệp ASEAN cùng hợp tác với các cơ quan khác trong ngành để kiểm tra và giám sát việc thực hiện khuôn khổ AIFS và SPA – FS. Các ý kiến tư vấn cũng sẽ được tìm kiếm ở cấp độ quốc gia và khu vực, đồng thời tìm kiếm sự hợp tác của các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ như tổ chức nông lương thế giới, ngân hàng thế giới, viện nghiên cứu lúa quốc tế, quỹ phát triển nông nghiệp và ngân hàng phát triển châu Á.



Quỹ Dự trữ Gạo Khẩn cấp ASEAN+3 (APTERR)

Hiệp định Quỹ Dự trữ Gạo Khẩn cấp ASEAN+3 (APTERR-ASEAN plus Three Emergency Rice Reserve Agreement) được các Bộ trưởng Nông Lâm ASEAN và Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc ký ngày 7/10/2011 tại Gia-các-ta. Hiệp định được hình thành trên cơ sở kế thừa dự án thí điểm Quỹ Dự trữ Gạo Khẩn cấp Gạo Đông Á (the East Asia Emergency Rice Reserve) đã được triển khai hiệu quả trong giai đoạn 2004-2009.

Hiệp định quy định các điều khoản thành lập một Quỹ Dự trữ Gạo Khẩn cấp ASEAN+3 có tính ràng buộc về pháp lý giữa các bên liên quan, tuân thủ luật pháp và thông lệ quốc tế. Theo đó, Quỹ trị giá 4 triệu đô la Mỹ bằng tiền và 787.000 tấn gạo dự trữ cả dưới dạng cam kết và hữu hình để có thể vừa đảm bảo hiệu quả vừa đáp ứng nhanh nhất những nhu cầu về gạo trong trường hợp khẩn cấp.

Các bên cũng đã thống nhất coi việc ký và thực hiện Hiệp định APTERR là bước thí điểm đối với sản phẩm gạo, rút kinh nghiệm để mở rộng đối với các sản phẩm lương thực khác vì mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực trong khu vực.

An toàn thực phẩm

Trong nhiều năm liền, ASEAN đã và đang nỗ lực hết sức để nâng cấp hệ thống và quá trình kiểm soát lương thực, đảm bảo dòng chu chuyển tự do hơn của các sản phẩm an toàn, có lợi cho sức khỏe với chất lượng cao trong khu vực. Việc đảm bảo các tiêu chuẩn để thừa nhận an toàn thực phẩm trên toàn thế giới là vấn đề hết sức quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế. Việc này đòi hỏi phải hòa hợp các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, các chứng chỉ thương mại cho thực phẩm và sản phẩm nông nghiệp trong khu vực.

Các biện pháp chính nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm

Vào năm 2004, mạng an toàn thực phẩm ASEAN được thiết lập với vai trò là nơi để các cơ quan ASEAN trao đổi thông tin về an toàn thực phẩm, thảo luận về cách tiếp cận chung nhằm thực thi hệ thống an toàn thực phẩm ở cấp độ quốc gia, đồng thời thảo luận các vấn đề quan tâm chung liên quan tới sử dụng các tiêu chuẩn an ninh lương thực như rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT). Vào năm 2006, phương pháp sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi (ASEAN GAP) đã được thông qua, qua đó hình thành các tiêu chuẩn chung áp dụng trong sản xuất, thu hoạch, xử lý sau thu hoạch đối với rau quả trong khu vực. Mục đích của ASEAN GAP là đảm bảo chất lượng cũng như an toàn rau quả được sản xuất tại khu vực. Thêm vào đó, ASEAN GAP cũng đảm bảo rằng thực phẩm được sản xuất và kiểm soát theo cách không gây nguy hại cho môi trường hay sức khỏe cũng như an toàn và lợi ích của công nhân làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm.

Tính đến thời điểm này, ASEAN đã thiết lập được tổng cộng 802 giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho 63 loại thuốc trừ sâu khác nhau. Các tiêu chuẩn chung đối với sản xuất và đóng gói xoài, táo, sầu riêng, đu đủ, bưởi, chôm chôm, vải, bon bon, quýt, măng cụt, dưa hấu, dưa non, chuối, tỏi, họ, mít, dưa chuột, dưa, mây sa lặc đã được thông qua để đảm bảo chất lượng và độ tươi của các loại

hoa quả này. ASEAN cũng đảm bảo có tới 49 tiêu chuẩn hòa hợp áp dụng cho các loại vắc xin cho động vật. 13 tiêu chuẩn để cấp phép cho các doanh nghiệp chăn nuôi gia súc và 3 tiêu chuẩn công nhận các sản phẩm chăn nuôi gia súc.

Mục tiêu thiết lập các hệ thống đảm bảo an toàn thực phẩm đã đem lại những tiến bộ vượt bậc trong các lĩnh vực quan trọng khác nhau ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm. ASEAN đang tìm cách tăng cường mạng lưới kiểm tra thực phẩm hiệu quả, đưa ra các hướng dẫn trong hoạt động quản lý tôm hiệu quả, thực hiện hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HCCP) đồng thời phát triển mã thực hiện trong ngư nghiệp đối với hoạt động đánh bắt cá và các sản phẩm ngư nghiệp.

Giải quyết mối nguy hại cúm gà

Sự bùng phát dịch cúm gà trong những năm gần đây đã khiến cho xã hội ngày càng quan tâm sâu sắc tới vấn đề an toàn thực phẩm trong khu vực. Các ca nhiễm cúm gà đã được chứng minh có những mối liên hệ trực tiếp tới các loại gia cầm bị bệnh hoặc chết trong suốt quá trình giết mổ và chuẩn bị thực phẩm. ASEAN ngay lập tức đã phản ứng lại bằng việc thông qua lộ trình thực hiện AEC không có HPAI vào năm 2020. Đây là một chiến lược dài hạn nhằm ngăn chặn, kiểm soát và loại trừ bệnh dịch trong khu vực. Trong số các phương pháp khác nhau được đề cập tới trong lộ trình kiểm soát bệnh dịch từ gốc rễ, phương pháp chuẩn đoán bệnh hiện đại, năng lực phát hiện sớm và chia sẻ kịp thời các thông tin bùng nổ bệnh dịch sẽ đẩy mạnh công tác an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm từ gia cầm trong khu vực.

Trong mối quan hệ hợp tác ngày càng khăng khít giữa các nước thành viên cùng với các nhà tài trợ dưới hình thức là một quốc gia hay tổ chức quốc tế như ngân hàng phát triển châu á (ADB), tổ chức nông lương thế giới (FAO), tổ chức dịch tễ thế giới (OIE), ASEAN cũng phải nâng cao năng lực nhằm đảm bảo an toàn lương thực và tiêu chuẩn hóa các hoạt động kiểm soát thực phẩm trong khu vực.

Biến đổi khí hậu

Kiểm soát nguy cơ do biến đổi khí hậu gây ra đối với môi trường và sự phát triển kinh tế đã trở thành vấn đề ưu tiên hàng đầu tại ASEAN. Do đường bờ biển dài, mật độ dân số cao, hoạt động kinh tế tại khu vực ven biển sôi động, đồng thời do sự phụ thuộc chặt chẽ vào nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, Đông Nam Á đã trở thành một trong những khu vực có nguy cơ lớn nhất trên thế giới chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Sự nóng lên toàn cầu đang gây ra ảnh hưởng tới tất cả các khu vực kinh tế. Trước nguy cơ này, ASEAN đã thông qua khuôn khổ đa ngành đối với vấn đề biến đổi khí hậu hướng tới an ninh lương thực (AFCC) nhằm mục đích làm giảm bớt nguy cơ của biến đổi khí hậu và nâng cao sự quan tâm của cộng đồng cũng như của hệ sinh thái.

Được thông qua bởi các bộ trưởng nông nghiệp và lâm nghiệp ASEAN, AFCC hướng tới giải quyết vấn đề về an ninh lương thực bằng cách sử dụng đất, rừng, nước, các tài nguyên biển hiệu quả và ổn định, hạn chế tối đa các nguy cơ và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. AFCC coi các vấn đề về biến đổi khí hậu là vấn đề rộng khắp liên quan tới tất cả các ngành, do đó hợp tác ngành với nỗ lực hạn chế biến đổi khí hậu là không thể thiếu được.

AFCC hướng tới mục tiêu tăng cường công tác quản lý bền vững đối với đất, rừng và các tài nguyên nước thông qua chiến lược hợp tác và phối ứng cũng như cắt giảm để hạn chế tối đa rủi ro, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. AFCC cũng hướng dẫn các nước thành viên ASEAN trong việc:

Hội nhập chiến lược phối ứng và cắt giảm tác động của biến đổi khí hậu theo khuôn khổ chính sách phát triển kinh tế và xã hội.

Hợp tác thực hiện các biện pháp cắt giảm và phối ứng trong:

- **Đẩy mạnh chia sẻ kiến thức, kết nối và thiết lập mạng lưới** trong nước và trong khu vực đối với vấn đề biến đổi khí hậu và an ninh

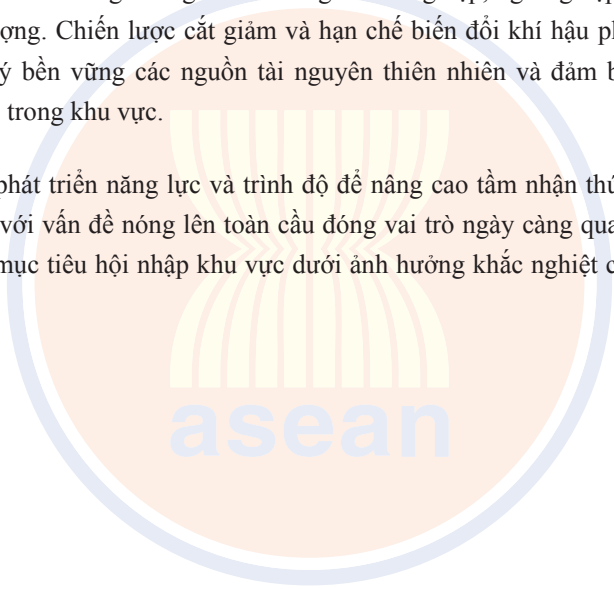
lượng thực.

- Phát triển khuôn khổ và lộ trình chiến lược đa ngành toàn diện hơn trong dài hạn để cắt giảm, hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Thách thức và giải pháp

Biến đổi khí hậu vốn là một vấn đề liên quan tới nhiều ngành nghề và yêu cầu phải có sự hợp tác không những tại địa phương, trong nước mà còn ở trong khu vực do đó đòi hỏi phải có sự hợp tác trong quá trình phát triển kinh tế và môi trường ở tất cả các ngành nghề như nông – lâm nghiệp, ngư nghiệp, chăn nuôi và năng lượng. Chiến lược cắt giảm và hạn chế biến đổi khí hậu phải gắn liền với quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo an ninh lương thực trong khu vực.

Thúc đẩy phát triển năng lực và trình độ để nâng cao tầm nhận thức của công chúng đối với vấn đề nóng lên toàn cầu đóng vai trò ngày càng quan trọng khi theo đuổi mục tiêu hội nhập khu vực dưới ảnh hưởng khắc nghiệt của biến đổi khí hậu.



Quản lý Rừng bền vững (SFM)

Quản lý Rừng bền vững (SFM) phải được thực hiện với sự kết hợp của nhiều lĩnh vực khác nhau, và phải xem xét đến các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường. Nỗ lực nhằm đảm bảo các loại hàng hóa và dịch vụ từ rừng thỏa mãn được nhu cầu hiện tại cũng phải đảm bảo được rừng có thể cung cấp tài nguyên đảm bảo nhu cầu trong dài hạn.

Thúc đẩy quản lý rừng bền vững trong khu vực ASEAN phải ưu tiên loại bỏ hoạt động khai thác gỗ trái phép và các hoạt động thương mại liên quan, đồng thời phải ưu tiên nâng cao năng lực, chuyển giao công nghệ, nâng cao nhận thức của công chúng, phát huy hiệu quả áp dụng luật và quản trị. Các chỉ số và tiêu chuẩn trong ASEAN (C&I) dung để đánh giá quản lý rừng bền vững được các bộ trưởng nông nghiệp và lâm nghiệp ASEAN thông qua năm 2007. Sự kiện này tạo ra khuôn khổ đảm bảo quản lý rừng bền vững và đánh giá những tiến bộ khi áp dụng khuôn khổ này so với mục tiêu đề ra. Đây là công cụ giúp xác định xu hướng ngành lâm nghiệp và ảnh hưởng của việc can thiệp vào hoạt động quản lý rừng theo thời gian đồng thời cũng lợi thế hóa các quyết định liên quan tới chính sách rừng quốc gia. Mục đích rõ ràng nhất của công cụ này chính là thúc đẩy thực tiễn quản lý rừng tiên tiến, và phát triển nguồn tài nguyên rừng hiệu quả hơn, có lợi cho sức khỏe hơn.

ASEAN đã phát triển hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá và báo cáo trực tuyến cũng như ngoại tuyến (MAR) theo những tiêu chuẩn và tiêu chí nhất định (C&I), hỗ trợ các nước thành viên trong công tác giám sát tiến độ thực hiện SFM. Các nước thành viên ASEAN đồng ý sử dụng MAR trực tuyến như một cơ chế báo cáo trong khu vực. Thực hiện kiểm tra MAR thông qua các hoạt động hỗ trợ trong nước và trong khu vực cũng đã và đang được thực hiện.

Để đẩy nhanh quá trình nâng cao nhận thức và hỗ trợ của công chúng trong hoạt động quản lý rừng bền vững, ASEAN đã phải phối hợp với tổ chức nông

lượng liên hiệp quốc (FAO) để thực hiện dự án “Tăng cường kiểm tra giám sát, đánh giá và báo cáo hoạt động quản lý rừng bền vững tại châu Á” (MAR-SFM). Dự án này sẽ thúc đẩy MAR trực tuyến và ngoại tuyến cũng như các ứng dụng của MAR trong ASEAN bằng việc áp dụng MAR – SFM cho các đơn vị quản lý rừng tại ASEAN. Dự án này cũng đưa ra phân tích so sánh giữa khuôn khổ C&I khu vực, C&I quốc gia và các cơ chế thực hiện MAR với nhau.

Một bản kế hoạch hành động kéo dài trong 8 năm từ 2008 đến 2015 nhằm thúc đẩy thực thi và quản trị luật lâm nghiệp (FLEG) đã được thông qua bởi các bộ trưởng nông lâm nghiệp ASEAN năm 2008. Kế hoạch này đòi hỏi các nước thành viên ASEAN phải thúc đẩy hoạt động quản lý rừng bền vững nhằm bảo vệ rừng và đảm bảo nguồn cung gỗ ổn định, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường mới đối với các sản phẩm lâm nghiệp bền vững.

Thách thức và giải pháp

Đẩy mạnh hoạt động thực thi và quản trị luật lâm nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn của các sản phẩm lâm nghiệp đóng vai trò quan trọng trong cải thiện đời sống của những người sống phụ thuộc vào lâm nghiệp và giảm tỷ lệ nghèo đói trong khu vực. Theo nghĩa này, hướng dẫn ASEAN về Phương pháp tiếp cận chứng nhận Rừng (PACT) và các chỉ số & tiêu chí đánh giá tính hợp pháp của khai thác gỗ đã được ASEAN thông qua. PACT đưa ra các kế hoạch hành động được các đơn vị quản lý rừng thực hiện với mục đích đảm bảo tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả cấp phép và được thực hiện bởi một cơ quan độc lập (bên thứ ba). C&I của ASEAN để đánh giá tính hợp pháp trong khai thác gỗ là một bản tham khảo được sử dụng trong ASEAN, đặc biệt là tại các quốc gia sản xuất gỗ.

CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH



Chính sách cạnh tranh trong ASEAN

Theo bản kế hoạch hành động AEC, các nước thành viên ASEAN đã cam kết đưa ra một chính sách cạnh tranh và luật cạnh tranh của mình (CPL) vào năm 2015. Mục đích là để tạo ra một sân chơi công bằng và thúc đẩy văn hóa cạnh tranh lành mạnh hướng tới hiệu quả kinh tế khu vực cao hơn trong dài hạn.

Hiện tại chỉ có Indonesia, Singapore, Thailand và Việt Nam là có luật cạnh tranh áp dụng cho cả nền kinh tế và các cơ quan giám sát thực hiện luật này. Các nước thành viên còn lại của ASEAN cũng căn cứ vào chính sách và quy định của các ngành để thực hiện mục đích cạnh tranh của mình.

Nhóm chuyên gia cạnh tranh ASEAN (AEGC)

Tháng 8 năm 2007, các bộ trưởng kinh tế ASEAN đã thông qua quyết định thành lập nhóm chuyên gia cạnh tranh ASEAN (AEGC). Nhóm này đã hoạt động như một diễn đàn trong khu vực, cùng thảo luận và hợp tác về CPL. AEGC cũng đồng ý tập trung làm chặt chẽ các chính sách liên quan đến cạnh tranh, thực tiễn cạnh tranh hiệu quả nhất giữa các nước thành viên, phát triển hướng dẫn của ASEAN đối với chính sách cạnh tranh, biên soạn sổ tay về chính sách và luật cạnh tranh trong kinh doanh tại ASEAN. Cả hai cuốn hướng dẫn và sổ tay này được xuất bản vào năm 2010 trong phiên họp các bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 42 (AEM) tại Đà Nẵng, Việt Nam. Hai cuốn sách này có thể được tải về từ địa chỉ sau:

<http://www.asean.org/publications/ASEANRegionalGuidelinesonCompetitionPolicy.pdf> <http://www.asean.org/publications/HandbookonCompetition.zip>

Sau khi xuất bản hai cuốn sách nói trên, một hội thảo xã hội hóa khu vực đã được tổ chức tại một vài nước thành viên ASEAN. Đây là hội thảo dành cho các quan chức chính phủ và khu vực kinh tế tư nhân cùng giao lưu mở rộng

mối quan hệ và trao đổi kinh nghiệm.

Mục đích của hai ấn phẩm này và cuộc hội thảo nói trên là để tạo ra một sân chơi công bằng, nâng cao nhận thức về cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp trong khu vực và công ty xuyên quốc gia, sau cùng là để nâng cao hiệu quả kinh tế cũng như năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN.

Các nhiệm vụ cụ thể đang được thực hiện với mục đích phát triển kế hoạch hành động ASEAN về chính sách cạnh tranh vào năm 2015. Căn cứ vào bản kế hoạch AEC thì các nhiệm vụ này sẽ tập trung vào nâng cao năng lực và giới thiệu về các trường hợp cụ thể điển hình cần học hỏi. Thêm vào đó, kế hoạch hành động liên quan và tương hỗ về các vấn đề cốt lõi trong khu vực, bao gồm cả chiến lược, các công cụ tư vấn pháp lý, và chính sách cạnh tranh cũng sẽ được xây dựng và ban hành.

Thách thức và cơ hội

Cùng với thách thức trước mắt sẽ là cơ hội để các nước thành viên ASEAN phát triển hệ thống chính sách, cơ chế cạnh tranh công bằng - lành mạnh dựa trên một cơ sở sản xuất và thị trường đồng nhất của AEC. Đây sẽ là nhân tố thiết yếu đưa ASEAN trở thành một sân chơi cạnh tranh và lành mạnh về chuỗi cung ứng trong khu vực nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.

CHÍNH SÁCH BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG



Bảo vệ người tiêu dùng trong cộng đồng kinh tế ASEAN

Bảo vệ người tiêu dùng là việc làm hết sức cần thiết khi xây dựng một AEC định hướng con người. Do đó, AEC thực hiện chiến lược ưu tiên vì lợi ích và quyền lợi của người tiêu dùng trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực. Luật bảo vệ người tiêu dùng phải đảm bảo cạnh tranh công bằng và trao đổi thông tin tự do trên thị trường. Vào năm 2011, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand và Viet Nam đã áp dụng luật bảo vệ người tiêu dùng trong nước. Trước đó, luật bảo vệ người tiêu dùng đã được quốc hội Lào thông qua vào tháng 6 năm 2010 và sau đó được thủ tướng ban hành vào tháng 9 năm 2010. Các nước ASEAN còn lại hiện cũng đang áp dụng cơ chế pháp lý hướng tới mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng, đồng thời cũng đang tiến hành soạn thảo bộ luật và chính sách bảo vệ người tiêu dùng.

Ủy ban điều phối ASEAN về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (ACCP)

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là một khái niệm khá mới mẻ trong hợp tác khu vực ở ASEAN. Như đã được chỉ ra trong kế hoạch hành động AEC, Ủy ban điều phối ASEAN liên chính phủ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, sau đó được đổi lại thành ủy ban điều phối ASEAN về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (ACCP) được thành lập vào năm 2007. ACCP và ba nhóm công tác đã tập trung vào các vấn đề trọng tâm nhằm thực hiện, kiểm tra giám sát các thỏa ước cũng như cơ chế thúc đẩy lợi ích người tiêu dùng trong AEC.

Để hướng dẫn thực thi các mục tiêu và cam kết theo kế hoạch hành động AEC, phương án tiếp cận chiến lược để bảo vệ lợi ích người tiêu dùng đã được ACCP thông qua. Cách tiếp cận này bao gồm các phương pháp về mặt chính sách cũng như các kế hoạch hành động chi tiết ưu tiên cũng như lộ trình thực hiện, cụ thể như sau: (i) phát triển cơ chế trao đổi thông tin và thông báo mới; (ii) phát triển cơ chế bồi thường người tiêu dùng trong khu vực trước năm 2015; (iii) phát triển lộ trình chiến lược nâng cao nhận thức người tiêu dùng.

Những thách thức và cơ hội

ACCP là một cơ quan được thành lập để thực hiện công tác kiểm tra giám sát thực hiện bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, đồng thời cũng sẽ giải quyết vấn đề cần phải có một cơ quan có đủ năng lực trong nước và trong khu vực. Bên cạnh đó còn phải có sự hỗ trợ về mặt tài chính và kỹ thuật đáng kể nhằm phát triển và thúc đẩy các chính sách, luật cũng như những thỏa thuận trong nước để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong một thị trường đồng nhất và hội nhập của AEC.

Toàn cầu hóa và hội nhập khu vực cũng xem xét đến nhiều vấn đề liên quan tới việc bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, vốn là vấn đề được tất cả các nước thành viên ASEAN quan tâm. Các quá trình này khiến cho khối lượng và giá trị thương mại trong khu vực ngày càng tăng cao, cũng như sự tiến bộ nhanh chóng trong giao tiếp, sản xuất và công nghệ thương mại điện tử.



QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG ASEAN



Hợp tác ASEAN về quyền sở hữu trí tuệ

Xây dựng, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ (IP) và quyền sở hữu trí tuệ (IPRs) tạo ra lợi thế cạnh tranh đáng kể cho các doanh nghiệp trong ASEAN, đồng thời cũng là định hướng quan trọng của nền kinh tế khu vực.

Cùng với kế hoạch hành động AEC, các nước thành viên ASEAN (AMSS) nhất trí thực hiện kế hoạch hành động về sở hữu trí tuệ giai đoạn 2004 – 2010 và kế hoạch làm việc ASEAN về hợp tác quyền tác giả (kế hoạch làm việc). Kể từ khi hoàn thành kế hoạch hành động IP 2004 – 2010, nhóm công tác ASEAN về hợp tác sở hữu trí tuệ (AWGIPC) đã thông qua kế hoạch hành động ASEAN về IPR giai đoạn 2011 – 2015, trong đó Philippines là nước dẫn đầu trong công tác chuẩn bị bản kế hoạch này.

Kế hoạch hành động ASEAN đòi hỏi phải thành lập hệ thống xếp hồ sơ thiết kế ASEAN, để thuận tiện cho người sử dụng hệ thống lưu trữ này đồng thời thúc đẩy hợp tác của các cơ quan IP trong khu vực. Để đảm bảo một hồ sơ chung về IP trong khu vực, các nước thành viên ASEAN thỏa thuận cùng công nhận các hiệp ước quốc tế chung như nghị định thư Madrid về cách thức nộp đơn đăng ký. Bản kế hoạch hành động cũng đề cập đến việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan điều hành bảo vệ IPRs và hợp tác khu vực đối với IPRs gần đây, như tri thức truyền thống (TK), tài nguyên di truyền (GR) và văn hóa dân gian (TCE).

Nhóm công tác ASEAN về hợp tác sở hữu trí tuệ (AWGIPC)

AWGIPC hoạt động với vai trò tư vấn hợp tác ASEAN về IP từ năm 1996. Sự hợp tác này vẫn được tiếp tục xây dựng trên nền tảng đơn giản hóa, hài hòa, đăng ký và bảo vệ IPRs trong ASEAN. Để đảm bảo thực hiện các cam kết theo kế hoạch hành động ASEAN, các nước thành viên đã tiến hành nghiên cứu những đóng góp về mặt kinh tế của các ngành công nghiệp liên quan đến quyền

tác giả trong nước và trong khu vực. Rất nhiều cuộc họp đã được tổ chức về vấn đề tham gia vào nghị định thư Madrid. Các dự án liên tiếp được đưa ra bởi các nước ASEAN nhằm mục đích thâm định *Sáng chế ASEAN (ASPEC)* và Danh mục *trực* tuyển các dịch vụ *sở hữu trí tuệ* của các nước *ASEAN* (viết tắt là *IP DIRECT*). Hai dự án hợp tác này đã giúp chia sẻ lượng công việc thâm định sáng chế và thúc đẩy tiếp cận các nguồn thông tin liên quan đến IP trong khu vực. AWGIPC đã nỗ lực chia sẻ kinh nghiệm cũng như giám sát thường xuyên việc tuân thủ luật pháp và quy định tại các nước thành viên đối với *Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ*.

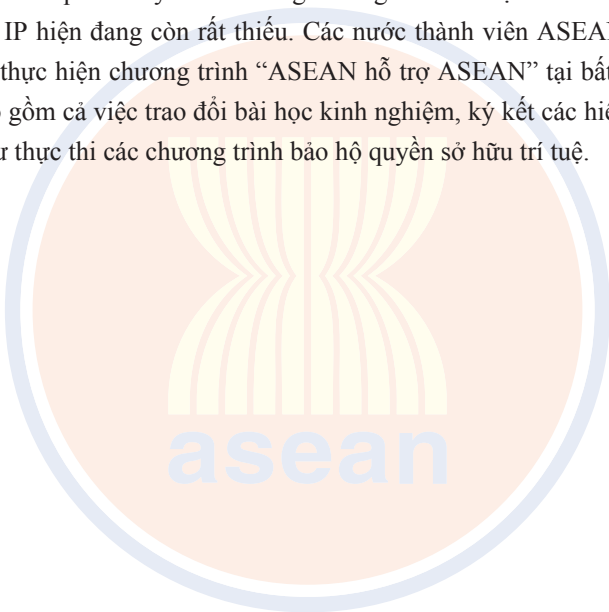
AWGIPC cũng hợp tác với rất nhiều tổ chức và cá nhân, gồm có hiệp hội sở hữu trí tuệ ASEAN, Australia, New Zealand, Trung Quốc (Các văn phòng quốc gia sở hữu trí tuệ - SIPO), ủy ban châu âu, nhật bản (Cơ quan sáng chế Nhật Bản – JPO), Cơ quan Bản *quyền và Thương hiệu Mỹ* (USPTO), bộ tư pháp Hoa Kỳ, tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO). Chương trình hợp tác dài hạn với USPTO từ năm 2004 đến 2010 đã được gia hạn thêm đến năm 2015. Chương trình tập trung vào nâng cao năng lực và đào tạo cho các chuyên gia về IP và các doanh nhân trong khu vực, tập trung vào việc bảo vệ, thực thi và thương mại hóa IPRs.

Trong khi đó, một dự án ASEAN kéo dài 4 năm về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (ECAP III) đã được thông qua vào năm 2010, đây là một dự án tiếp theo của ECAP II. Mục tiêu của dự án là cùng với công đồng ASEAN tối ưu hóa một cách hiệu quả hơn và đầy đủ hơn về IP và IPRs trong khu vực.

Các vấn đề kỹ thuật liên quan tới sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên phức tạp. Sự mở rộng trong bảo vệ quyền tác giả và bằng phát minh sáng chế để theo kịp với tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ sinh học, viễn thông cũng tác động đến nhiều lĩnh vực như tri thức truyền thống (TK), tài nguyên di truyền (GR) và văn hóa dân gian (TCE).

Cơ sở vật chất và tài sản trí tuệ ở các nước thành viên ASEAN cũng có sự khác biệt rất lớn. Hiện tại đang tồn tại khoảng cách rất lớn giữa ASEAN – 6 và ASEAN – 4 (Cambodia, Lao, Myanmar và Viet Nam). Sự khác biệt này nằm ở bản chất và mức độ hội nhập khu vực, cũng như sự cần thiết về hỗ trợ kỹ thuật trong nội khối ASEAN và giữa các nhóm công tác nhỏ khác ở các nước ASEAN.

Hiện tại, các cơ quan chuyên môn cũng như nguồn nhân lực có trình độ và kinh nghiệm về IP hiện đang còn rất thiếu. Các nước thành viên ASEAN đã nỗ lực hết sức để thực hiện chương trình “ASEAN hỗ trợ ASEAN” tại bất cứ nơi nào khả thi bao gồm cả việc trao đổi bài học kinh nghiệm, ký kết các hiệp ước quốc tế cũng như thực thi các chương trình bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.



PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG TRONG ASEAN



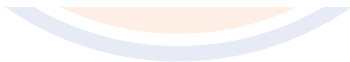
Quỹ Phát triển Hạ tầng ASEAN

Quỹ Cơ sở hạ tầng ASEAN được thành lập năm 2011 với sự đóng góp ban đầu là 485,2 triệu USD, trong đó 335,2 triệu USD là do 9 nước thành viên ASEAN đóng góp, 150 triệu USD còn lại là do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đóng góp. Các quốc gia ASEAN có trữ lượng ngoại tệ đáng kể nhưng các quỹ này phần lớn được đầu tư bên ngoài ASEAN và bên ngoài Châu Á, với việc thiết lập Quỹ cơ sở hạ tầng, ASEAN đã có bước tiến lớn trong việc đầu tư nguồn lực của mình cho nhu cầu phát triển của riêng mình.

Mỗi năm quỹ sẽ hỗ trợ khoảng 6 dự án cơ sở hạ tầng, các dự án này được lựa chọn dựa trên tỷ lệ kinh tế, tài chính hợp lý và tiềm năng giảm nghèo.

Đến năm 2022, ASEAN hy vọng Quỹ sẽ huy động được 4 tỷ USD và sau đó ngân sách của Quỹ sẽ tăng lên đến 13 tỷ USD.

Quỹ cơ sở hạ tầng ASEAN đặt trụ sở tại Malaysia, nước đóng góp nhiều nhất cho Quỹ với 150 triệu USD. Indonesia đứng thứ hai với mức đóng góp 120 triệu USD. ADB sẽ quản lý Quỹ cơ sở hạ tầng ASEAN và sẽ đảm bảo rằng các biện pháp bảo vệ và thẩm định là một phần của dự án tài trợ.



Hợp tác ASEAN trong ngành giao thông vận tải

Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực giao thông vận tải nhằm mục đích phát triển hệ thống giao thông vận tải hội nhập, hiệu quả và an toàn, hỗ trợ công cuộc thực hiện hóa AEC vào năm 2015.

Kết nối toàn khu vực thông qua đẩy mạnh khả năng cạnh tranh và thu hút đầu tư, thúc đẩy dòng chu chuyển hàng hóa và dịch vụ cũng như nguồn lực con người. Hội nhập với nền kinh tế thế giới sẽ là mục tiêu tiên quyết trong hợp tác về giao thông vận tải nội khối ASEAN trong giai đoạn 2011- 2015.

Theo kế hoạch chiến lược giao thông vận tải ASEAN giai đoạn 2011 – 2015 (cũng chính là kế hoạch hành động Brunei), các nước thành viên sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình trong bản kế hoạch đối với vận tải đường bộ, vận tải hàng không, vận tải biển, và các phương tiện vận tải nhằm mục đích tạo ra một hệ thống giao thông vận tải trong khu vực, trong đó hệ thống này sẽ thúc đẩy sự hợp tác kinh tế trong nội khối ASEAN.

1. **Vận tải hàng không:** Sẽ tạo ra một thị trường hàng không thống nhất ASEAN (ASAM), thúc đẩy ngành hàng không thân thiện với môi trường, thúc đẩy hợp tác với đối tác tạo ra sự liên kết lớn mạnh hơn.
2. **Vận tải đường bộ:** tạo ra một hệ thống vận tải đường bộ hội nhập khu vực và thân thiện với môi trường, không những thế còn hiệu quả và an toàn. Hệ thống này sẽ thúc đẩy thương mại và du lịch giữa ASEAN với các nước lân cận.
3. **Vận tải biển:** thiết lập mạng lưới vận tải biển hội nhập, cạnh tranh và liên mạch, chú trọng đến phát triển an ninh và an toàn vận tải biển, hệ thống cảng biển thân thiện với môi trường và dễ sử dụng.
4. **Thuận lợi hóa vận tải:** Thiết lập hệ thống giao thông vận tải đa phương thức, có khả năng cạnh tranh toàn cầu, hiệu quả và hội nhập, thúc đẩy kết nối trong khu vực cũng như kết nối toàn cầu, theo đuổi logistic xanh, bảo vệ môi trường trên toàn thế giới

Để thúc đẩy dòng chu chuyển hàng hóa liền mạch trong khu vực, các nước thành viên ASEAN đã cam kết thực hiện hiệp ước thuận lợi hóa vận tải như sau:

1. Hiệp định khung ASEAN tạo thuận lợi cho *hàng hóa* quá cảnh (AFAFGIT)
2. Hiệp định khung ASEAN về vận tải đa phương thức (AFAMT)
3. Hiệp định khung ASEAN tạo thuận lợi cho *vận tải* liên quốc gia (AFAFIST)

Hiệp định tạo thuận lợi cho ngành vận tải hướng tới mục tiêu đơn giản hóa và hài hòa các văn bản giấy tờ cũng như các thủ tục thương mại vận tải, hướng dẫn và yêu cầu nhất quán đối với việc đăng ký hoạt động vận tải cũng như những người hoạt động trong lĩnh vực vận tải đa phương thức, thúc đẩy áp dụng ICT cho vận tải hàng hóa liền mạch

Ban điều phối Vận tải Quá cảnh ASEAN (TTTCB) là cơ quan chính chịu trách nhiệm điều phối và thực hiện tổng thể các hiệp định tạo thuận lợi cho hoạt động vận tải. Để tối đa hóa lợi ích của hệ thống vận tải và quá cảnh hội nhập, vốn là điều sẽ khiến cho dòng chu chuyển hàng hóa và phương tiện qua biên giới các nước ASEAN tự do hơn, các nước thành viên ASEAN hiện đang thực hiện các bước cần thiết để đáp ứng yêu cầu cũng như điều khoản của các hiệp định tạo thuận lợi cho ngành vận tải.

Đối với dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường hàng không, các thỏa thuận về quyền vận chuyển tự do không hạn chế thứ 3, thứ 4, và thứ 5 từ hoặc tới bất kỳ điểm nào với các cảng hàng không quốc tế trong khu vực và giữa các khu vực trong ASEAN, giữa thủ đô các nước ASEAN với nhau đang được thực hiện. Các quyền tự do tương tự cũng được mở rộng ra lĩnh vực dịch vụ tại thành phố ở các nước ASEAN thông qua Hiệp định Đa phương ASEAN về tự do hóa hoàn toàn dịch vụ chuyên chở hành khách bằng đường hàng không (MAFLPAS) được thông qua năm 2010.

Các nước thành viên ASEAN cũng cam kết thực hiện tự do hóa hoàn toàn dịch vụ chuyên chở hàng hóa bằng đường hàng không, quyền tự do đầy đủ thứ 3, thứ 4 và thứ 5 trong dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế giữa bất kỳ nơi nào với cảng hàng không quốc tế trong khu vực ASEAN. Công việc vẫn đang được tiến hành nhằm phát triển một khuôn khổ để thực hiện hóa thị trường hàng không thống nhất ASEAN.

Các vòng đàm phán của ASEAN với Trung Quốc về thương quyền thứ 3, thứ 4 & 5 đã kết thúc và hiện tại đang tiến hành các vòng đàm phán với một số đối tác khác như Ấn Độ, Hàn Quốc...

Để đạt được mục tiêu là một hệ thống vận tải biển cạnh tranh, hiệu quả và hội nhập, ASEAN sẽ phải đổi mới để tạo lập một thị trường vận tải biển đơn nhất (ASSM) thông qua việc thúc đẩy hình thành chiến lược cơ bản ASSM, và phát triển khuôn khổ tương ứng cho việc thực hiện chiến lược. Thêm vào đó, các nước thành viên cũng phải nâng cao năng lực của 47 cảng biển được chỉ định trong mạng lưới cảng biển ASEAN.

Để thuận lợi hóa vận tải đường bộ trong khu vực, việc hoàn thiện hệ thống đường cao tốc ASEAN và dự án *Đường sắt Singapore-Côn Minh* (SKRL) đã trở thành vấn đề được ưu tiên trong hợp tác vận tải ASEAN. Hai dự án này thể hiện tầm nhìn đối với ngành vận tải ASEAN và trọng tâm của ngành logistic. SKRL là dự án chủ chốt của chương trình Hợp tác ASEAN về phát triển tiểu vùng Mekong (AMBDC), trong đó có tuyến đường chính chạy qua Singapore-Malaysia-Thailand-Cambodia-Viet Nam và Trung Quốc (Côn Minh), và các tuyến đường phụ Thailand-Myanmar và Thailand-Laos. Dự án này đòi hỏi phải xây dựng hệ thống nhà ga và cơ sở vật chất liên quan.

AHN gồm 23 tuyến đường chỉ định với tổng chiều dài là 38,400 km nằm trong khu vực ASEAN, nối liền các thủ đô, cảng biển, sân bay với các khu vực có tiềm năng du lịch và đầu tư cao. AHN cũng tạo ra nhiều cơ hội hơn cho người

nghèo và các cộng đồng ở vùng xa, đồng thời cũng trở thành cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ cho hoạt động logistic trong chương trình kết nối ASEAN. Đẩy mạnh thực hiện dự án AHN, đặc biệt là hoàn thành các phần còn thiếu của dự án này đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng đường xá tại các nước thành viên ASEAN.

Hiện tại, ưu tiên hàng đầu đang được dành cho việc nâng cấp phần “dưới chuẩn III” của các tuyến vận tải quá cảnh (TTR) với tổng chiều dài lên đến 2,000 km đi qua Indonesia (AH-25), Lao PDR (AH-12 và AH-15), và Myanmar (AH-1, AH-2 và AH-3) trước năm 2012. Ưu tiên thứ hai là dành cho việc xây dựng các tuyến đường kết nối ở Myanmar (201 km), đồng thời nâng cấp phần “dưới chuẩn III” tại Indonesia (AH-150 và AH-151), Lao PDR (AH-131 và AH-132), Malaysia (AH-150), Myanmar (AH-111 và AH-112) và Viet Nam (AH-12 và AH-132) với tổng chiều dài lên đến 4,537 km. Các nước thành viên ASEAN mong đợi sẽ hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong MU về dự án AHN, điều này sẽ khiến cho AHN được nâng cấp lên ít nhất thành chuẩn II vào năm 2020.



Công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) – Nền tảng của một ASEAN hội nhập, vững chắc và toàn diện

Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực công nghệ truyền thông và thông tin đã được tăng cường từ những năm 2000 bằng việc ký kết hiệp định khung e-ASEAN. Hiệp định này đặt ra mục tiêu hợp tác khu vực đối với vấn đề ICT để (a) phát triển, đẩy mạnh và tăng cường khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực ICT trong ASEAN; (b) làm giảm sự phân chia số trong nội bộ các nước ASEAN cũng như giữa các nước thành viên ASEAN; (c) thúc đẩy hợp tác giữa khu vực kinh tế tư nhân và nhà nước trong quá trình thực hiện hóa e-ASEAN và (d) thúc đẩy tự do hóa thương mại với các sản phẩm ICT, dịch vụ và đầu tư ICT, hỗ trợ cho mục tiêu e – ASEAN.

Trọng tâm và phát triển – Kế hoạch tổng thể về phát triển ICT khu vực ASEAN đến 2015

Để thúc đẩy phát triển ICT đối với việc thành lập AEC vào năm 2015, *Kế hoạch tổng thể về phát triển ICT khu vực ASEAN đến 2015 (AIM2015)* đã được thông qua hồi tháng 1 năm 2011 tại Kuala Lumpur, Malaysia. Kế hoạch này sẽ cung cấp hướng dẫn chiến lược cho việc kinh doanh ICT trong khu vực, kết nối công nghệ số trong ASEAN, nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực ICT.

Theo AIM2015, các nước thành viên ASEAN sẽ tập trung để đạt được 6 mục tiêu chiến lược đã đề ra, cụ thể như sau (i) Chuyển đổi nền kinh tế (ii) Nâng cao vai trò của yếu tố con người (iii) Phát huy sáng tạo (iv) Phát triển hạ tầng (v) Phát triển nguồn nhân lực (vi) Thu hẹp khoảng cách số.

Để đạt được những mục tiêu chiến lược trên, một bản kế hoạch hành động với cách tiếp cận chiến lược thực hiện đúng lộ trình của AIM2015 đã được thông qua. Hội nghị Quan chức *cấp cao ASEAN về Viễn thông và CNTT (TELSOM)*

và Hội nghị các nhà quản lý viễn thông ASEAN (ATRC) đã xác định các cơ chế cần thiết để thúc đẩy hợp tác giữa các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách, cũng như những người hoạt động trong lĩnh vực này trong quá trình thực hiện AIM2015.

Đề nâng cao địa vị của ASEAN với tư cách là nơi tập trung của một ICT toàn diện và vững chắc, sáng kiến thành lập trung tâm Internet ASEAN đang được thảo luận để thúc đẩy kết nối liên khu vực, giảm thiểu thời gian chờ và chi phí internet. Tên miền cho khu vực “.asean” được trông đợi sẽ mang lại sự nhận diện to lớn cho khu vực cũng như để tạo ra một cơ sở sản xuất và thị trường thống nhất AEC.

Các dự án quan trọng khác cũng đang được phát triển để thúc đẩy thương mại điện tử, thiết lập khuôn khổ tương kết của các cơ quan chứng nhận (CA – CA) trong ASEAN, cắt giảm chi phí chuyển vùng quốc tế của các thuê bao di động trong khu vực.

Quỹ ASEAN ICT sẽ tiếp tục được tận dụng để hỗ trợ cho việc thực hiện AIM2015, khuyến khích huy động các nguồn lực từ các đối tác đối thoại, các tổ chức quốc tế cũng như trong ngành ICT.

Các chính sách và dự án kết nối ICT

Khu vực ICT trong ASEAN cam kết thúc đẩy phát triển lực lượng ICT cũng như năng lực cạnh tranh của thị trường ICT và kinh doanh trực tuyến. Để thúc đẩy vai trò của ASEAN với tư cách là khu vực quan trọng trong lĩnh vực ICT toàn cầu, sự hợp tác của ICT với các đối tác đối thoại như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc (ASEAN+3), liên minh Châu Âu EU, Ấn Độ và Liên minh viễn thông quốc tế ngày càng được tăng cường.

Các chương trình liên kết với ASEAN+3 cũng đã và đang được chú trọng, đặc biệt là các vấn đề liên quan tới nguồn nhân lực và hệ thống viễn thông tại các khu vực nông thôn.

Các cuộc thảo luận vẫn được tiến hành để tăng cường giải thưởng ICT ASEAN và diễn đàn các nhà lãnh đạo ASEAN, thúc đẩy áp dụng ICT vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ. *Hành lang băng rộng ASEAN* và các tiêu chuẩn chung về hợp tác an ninh mạng góp phần làm giảm chi phí chuyển vùng quốc tế của các thuê bao di động. Hợp tác giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân để phát triển ngành ICT trong khu vực đang được chú trọng ở nhiều cấp độ khác nhau, từ cấp độ dự án cho tới cấp độ chính sách và các chương trình tư vấn pháp lý.



Đảm bảo an ninh năng lượng trong ASEAN

Mục tiêu và chiến lược tổng thể

Mục tiêu tổng thể của hội nhập năng lượng ASEAN là thúc đẩy an ninh và ổn định năng lượng trong khu vực ASEAN, hướng sự quan tâm của cộng đồng vào vấn đề chăm sóc sức khỏe, an ninh và môi trường. Hợp tác năng lượng ASEAN hiện đang được thực hiện theo kế hoạch hành động ASEAN về hợp tác năng lượng giai đoạn 2010 – 2015 (APAEC), tập trung vào 7 lĩnh vực chính là: (i) Dự án kết nối lưới điện ASEAN (APG) (ii) Dự án liên kết đường ống dẫn khí ASEAN (TAGP); (iii) Công nghệ chế biến than sạch; (iv) năng lượng tái chế; (v) bảo tồn hiệu quả năng lượng; (vi) hoạch định và lập chính sách cho năng lượng trong khu vực; (vii) năng lượng hạt nhân thông thường.

Trọng tâm và phát triển

Các nước thành viên ASEAN hiện đang tham gia tích cực vào quá trình hội nhập bảo toàn hiệu quả năng lượng (EE&C) và phát triển các nguồn năng lượng tái chế (RE) trong khu vực. Các dự án cần phải được thực hiện để nâng cao năng lực và đẩy mạnh tham gia của khu vực tư nhân đối với các chương trình EE&C và RE trong khu vực, đồng thời mở rộng thị trường cho EE và các sản phẩm RE.

APAEC giai đoạn 2010 – 2015 đã đặt mục tiêu cho ASEAN cắt giảm lãng phí năng lượng trong khu vực ít nhất 8% vào năm 2015 (căn cứ theo mức của năm 2005) và 15% cho mục tiêu năng lượng tái chế so với tổng công suất thiết kế vào năm 2015. Để đạt được mục tiêu này, các nước thành viên đồng ý phát triển dự án chiến lược và các hoạt động liên kết trong khu vực như dự án thúc đẩy bảo toàn hiệu quả năng lượng (PROMEEC), Chương trình *Quản lý* Năng lượng ASEAN (*AEMAS*). Những dự án này là để nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự cũng như của các cơ quan chuyên trách – tập trung vào hướng dẫn đánh giá mức độ lãng phí năng lượng, chính sách EE&C, kiểm toán năng

lượng, các tiêu chuẩn và dán nhãn – thúc đẩy hài hòa hóa quy trình kiểm tra năng lượng trong ASEAN.

- Dự án kết nối lưới điện *ASEAN* (APG), ước tính khoảng 5.9 tỷ USD, hiện đang được thực hiện cùng với 4 dự án gắn kết khác, 11 dự án bổ sung đang được lên kế hoạch trước năm 2015. APG đã hoàn thành các kết nối năng lượng song phương tại Udon Thani (Thailand) – Nabong (Lao PDR), and (ii) Lao PDR – Cambodia.
- Cùng với việc hoàn thiện kế hoạch nghiên cứu kết nối tổng thể ASEAN II, ASEAN cũng đang tiến hành đưa ra các gói lựa chọn năng lượng khác, bao gồm thủy điện, nhiệt điện sạch, và năng lượng hạt nhân để đáp ứng nhu cầu điện trong tương lai.

Các nước thành viên cũng tăng cường hoạt động thương mại kinh doanh than đá trong nội khối ASEAN và thúc đẩy công nghệ sản xuất than sạch. Hiệp định an ninh than đá ASEAN và hiệp định sử dụng và kinh doanh than đá đang được xem xét để đảm bảo nguồn cung than đá trong khu vực.

Dự án liên kết đường ống dẫn khí ASEAN (TAGP), trị giá 7 tỉ USD để liên kết hệ thống đường ống dẫn khí ga trong khu vực và vận chuyển khí ga giữa các nước trong ASEAN đã hoàn thành dự án 8 đường ống dẫn khí ga song phương và 8 đường ống này đã đi vào hoạt động.

Mạng lưới hợp tác năng lượng hạt nhân (NEC-SSN) đã được thiết lập để thúc đẩy hợp tác giữa các nước thành viên trong ASEAN đối với vấn đề phát triển năng lượng hạt nhân trong khu vực. Mục đích của NEC-SSN là tìm kiếm tính khả thi về mặt kinh tế của năng lượng hạt nhân, khuyến khích trao đổi thông tin cũng như hỗ trợ trong việc thúc đẩy chương trình năng lượng hạt nhân bền vững và an toàn, thúc đẩy sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và các quốc gia tài trợ.

Để nâng cao vị trí của ASEAN với vai trò là khu vực năng lượng quan trọng, sự hợp tác năng lượng với các đối tác đối thoại phải trải dài trên nhiều hoạt

động, chương trình cũng như dự án khác nhau trong khuôn khổ ASEAN+3 và tiến trình hội nghị thượng đỉnh khu vực đông Á.

ASEAN cũng tham gia với vai trò tư vấn chính thức cùng liên minh Châu Âu, Nga và Mỹ để thúc đẩy hợp tác phát triển lĩnh vực năng lượng khu vực. ASEAN cũng tìm kiếm sự hợp tác với các cơ quan và tổ chức quốc tế như viện nghiên cứu kinh tế ASEAN và Đông Á (ERIA), cơ quan năng lượng quốc tế (IEA), ngân hàng phát triển châu á (ADB) để nâng cao năng lực của những người phụ trách vấn đề năng lượng trong ASEAN đồng thời thúc đẩy nguồn năng lượng bền vững và được chấp nhận.



Du lịch trong cộng đồng kinh tế ASEAN

Du lịch đang là ngành đứng đầu trong ASEAN, không chỉ với ý nghĩa tạo ra và phân phối doanh thu ngoại tệ có giá trị mà còn đóng vai trò thể hiện sự đa dạng và giàu có về mặt văn hóa và con người của khu vực Đông Nam Á. Với vai trò là ngành ưu tiên hội nhập trong AEC, du lịch đã cho thấy tốc độ tăng trưởng 11% trong năm 2010 với tổng lượt khách du lịch quốc tế đến ASEAN đạt 73 triệu lượt. Du lịch nội khối ASEAN cũng là một thị trường tiềm năng chiếm 47% lượt khách du lịch trong năm 2010.

AEC cũng hướng tới thúc đẩy hợp tác du lịch trong khu vực nhằm mục đích: (i) nâng cao lợi thế du lịch hướng tới ASEAN và trong ASEAN; (ii) thúc đẩy hợp tác trong ngành du lịch để nâng cao hiệu quả và cạnh tranh; (iii) cắt giảm đáng kể các hạn chế đối với thương mại du lịch cũng như các dịch vụ trong du lịch; (iv) thiết lập một mạng lưới du lịch và dịch vụ du lịch hội nhập để tối đa hóa các dịch vụ bổ sung hấp dẫn khách du lịch; (v) thúc đẩy phát triển và thúc đẩy ASEAN thành một điểm đến du lịch hấp dẫn; (v) thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển nguồn lực con người, hợp tác phát triển, nâng cấp và mở rộng du lịch cùng các cơ sở vật chất của ngành du lịch cũng như các dịch vụ đi kèm; (vi) tạo điều kiện thích hợp cho khu vực tư nhân và nhà nước cùng hợp tác phát triển du lịch nói chung và du lịch nội khối ASEAN nói riêng, đồng thời đầu tư vào dịch vụ cũng như cơ sở vật chất của ngành du lịch.

Kế hoạch chiến lược phát triển du lịch ASEAN (ATSP)

Vào tháng 1 năm 2011, bộ trưởng du lịch các nước ASEAN đã thông qua kế hoạch chiến lược phát triển du lịch (ATSP) giai đoạn 2011 – 2015, tiếp nối lộ trình hội nhập du lịch khu vực (RITS) đã hoàn thành vào năm 2010. Cùng với mục tiêu tổng thể AEC năm 2015, ATSP cũng sẽ thúc đẩy sự phát triển, hội nhập và cạnh tranh của du lịch trong khu vực, cùng lúc tìm hiểu về văn hóa, xã hội cũng như tăng cường lợi thế thương mại trong ASEAN.

Các nước thành viên ASEAN hiện đang phát triển các chiến lược marketing cho hoạt động du lịch ASEAN với mục đích đẩy mạnh và thay đổi các hoạt động trong “chiến dịch đến thăm ASEAN”, đây là chiến dịch biến ASEAN thành một điểm đến du lịch hấp dẫn theo thỏa thuận phát triển du lịch ASEAN được các nhà lãnh đạo ASEAN ký kết năm 2002.

Nhóm xúc tiến du lịch ASEAN (APCT) đã tổ chức hội thảo khách hàng lớn ngành du lịch ở Brisbane, Melbourne và Sydney để xúc tiến các hoạt động du lịch liên kết trong ASEAN. Để mở rộng hơn nữa hoạt động marketing tại các thị trường mục tiêu quan trọng, ASEAN đã thành lập APCT tại Mumbai và Dubai trong giai đoạn 2011 – 2012.

Các tiêu chuẩn du lịch AEC

Đề thúc đẩy uy tín của khu vực Nam Á với tư cách là một điểm đến du lịch toàn cầu, ASEAN hiện đang phát triển hệ thống tiêu chuẩn du lịch toàn diện hoàn toàn mới để đẩy mạnh chất lượng du lịch cũng như quá trình cấp chứng nhận cấp khu vực cho các khách sạn, nhà vườn, dịch vụ spa và toilet công cộng.

Giải thưởng khách sạn xanh 2008 vào 2010 là giải thưởng chứng nhận các khách sạn trong khu vực đủ điều kiện trở thành khách sạn xanh ASEAN. Cùng với ATSP, các nước thành viên ASEAN hiện đang xem xét các tiêu chuẩn, yêu cầu cũng như quá trình cấp chứng chỉ khách sạn xanh ASEAN.

Đề thúc đẩy tính linh động và công bằng trong phương pháp đánh giá của các chuyên gia du lịch trong ASEAN, các nước thành viên đã bắt tay vào thực hiện thỏa ước thừa nhận lẫn nhau trong ASEAN (MRA). Đây là kế hoạch thúc đẩy các nước thành viên thực hiện những yêu cầu MRA đối với việc thành lập ban chuyên viên du lịch quốc gia, ban cấp chứng chỉ chuyên viên du lịch, tiêu chuẩn áp dụng với các tài liệu đào tạo hoặc các gói công cụ trong từng nước.

CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ



Các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ASEAN (SMEs)

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ ASEAN (SMEs) hiện đang là xương sống của nền kinh tế ASEAN. Sự phát triển của SMEs là điều kiện hết sức cần thiết để đạt được sự phát triển ổn định kinh tế trong dài hạn. SMEs chiếm tới hơn 96% trong tổng số doanh nghiệp, đồng thời tạo ra từ 50% đến 85% tổng số việc làm trong nước đối với các nước ASEAN. Thêm vào đó, SMEs đóng góp từ 30% đến 53% tổng thu nhập quốc nội (GDP) và sản xuất 19% - 31% tổng lượng hàng xuất khẩu.

Kế hoạch hành động chiến lược ASEAN cho phát triển SME giai đoạn 2010 – 2015 được các bộ trưởng kinh tế ASEAN (AEM) thông qua vào năm 2010 hướng dẫn hợp tác khu vực và thúc đẩy phát triển SMEs. Kế hoạch hành động này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như sự thích ứng của các doanh nghiệp SME khi ASEAN hướng tới thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất AEC. Ban Cố vấn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ASEAN, sau khi được chấp thuận trong cuộc họp AEM lần thứ 42 vào tháng 8 năm 2010 đã chính thức thành lập vào tháng 6 năm 2011, hoạt động với tư cách là tổ chức kết nối các vị lãnh đạo hàng đầu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ASEAN cũng như các đại diện đến từ khu vực tư nhân. Ban cố vấn này sẽ đưa ra chính sách cho các bộ trưởng ASEAN để đảm bảo sự phát triển kinh tế toàn diện và cân đối, tiếp tục tăng trưởng của khối SME trong AEC.

Nhóm chuyên gia tư vấn (Panel) về cách tiếp cận nguồn tài chính của các doanh nghiệp SME đã được thành lập nhằm mục đích cung cấp kiến thức và tư vấn tài chính đối với các dự án trong khu vực, thúc đẩy tiếp cận nguồn tài chính của các doanh nghiệp SMEs. Nhóm chuyên gia này sẽ đưa ra các hướng dẫn hiệu quả nhất, những thách thức cũng như những nhân tố quan trọng đối với sự thành công trong cách tiếp cận của các doanh nghiệp SME.

Trọng tâm hiện tại

Kế hoạch hành động cho sự phát triển của các doanh nghiệp SME bao gồm các chương trình làm việc chiến lược, các biện pháp về mặt chính sách, và các thông số đầu ra được thực hiện bởi các cơ quan phụ trách khối SME trong ASEAN trong sự hợp tác chặt chẽ với khu vực tư nhân.

Kế hoạch hành động AEC đòi hỏi phải có 5 sự kiện quan trọng từ khu vực SMEs trong ASEAN (a) chương trình chung cho doanh nghiệp trong ASEAN trong đó Indonesia và Singapore là những nước dẫn đầu (theo giai đoạn 2008 – 2009) (b) trung tâm dịch vụ SME toàn diện với sự kết nối khu vực và tiểu khu vực tại các nước thành viên, trong đó Việt Nam và Thái Lan là những nước tiên phong trong giai đoạn 2010 – 2011, (c) các cơ sở tài chính SME tại mỗi nước, trong đó Malaysia và Brunei Darussalam là những nước dẫn đầu trong giai đoạn 2010 – 2011 và (d) chương trình cấp khu vực trao đổi nhân sự thực tập và đào tạo kỹ năng, trong đó Myanmar và Philippines là những nước tiên phong trong giai đoạn 2012 – 2013 (e) quỹ phát triển SME khu vực để cấp vốn cho các doanh nghiệp SMEs thực hiện kinh doanh trong khu vực ASEAN với Lào và Thailand là những nước dẫn đầu trong giai đoạn 2014 – 2015.

Nhóm công tác SME khu vực ASEAN và hội đồng cố vấn kinh doanh ASEAN đang làm việc tích cực để đưa ra các giải thưởng cho các doanh nghiệp SMEs, cụ thể là giải thưởng doanh nghiệp ASEAN ABA. Doanh nghiệp chiến thắng trong giải thưởng ABA sẽ được ghi nhận là doanh nghiệp xuất sắc nhất ASEAN về phát triển, đổi mới, nhân sự, và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Các giải thưởng này sẽ được trao hàng năm tại hội nghị thượng đỉnh về đầu tư và kinh doanh ASEAN (ASEAN – BIS).

Để nhấn mạnh hơn nữa vai trò các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ASEAN, một danh sách các doanh nghiệp SME nổi bật tại ASEAN đã được xuất bản năm 2011 và sau đó sẽ được xuất bản hàng năm.

Những thách thức trong thời gian tới

Hoạt động hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp SME vẫn đang còn là một thách thức trong quá trình hội nhập khu vực và thực hiện AEC. Tính đến thời điểm này, các sáng kiến liên quan tới SME đã được thực hiện trên cơ sở tự lực hoặc giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước ASEAN. Điều này sẽ khuyến khích các nước thành viên huy động các nguồn lực hỗ trợ về vốn cho các dự án phát triển SME, hoặc tận dụng sự hỗ trợ của các nước thành viên khác.



HỢP TÁC GIỮA KHU VỰC TƯ NHÂN VÀ KHU VỰC NHÀ NƯỚC



Hợp tác giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước (PPP) trong cộng đồng kinh tế ASEAN

Khu vực tư nhân vẫn là nền tảng của liên kết mới về sự tương trợ lẫn nhau giữa các nền kinh tế trong khu vực Đông Á nói riêng và giữa khu vực Đông Á với nền kinh tế toàn cầu nói chung. Một mắt xích quan trọng trong mối liên kết cung ứng giữa khu vực với thế giới trong đó chuỗi cung ứng này sẽ hỗ trợ các nền kinh tế mới hội nhập, như vậy vai trò và sự đóng góp của khu vực tư nhân là hết sức quan trọng trong kế hoạch thực hiện hóa AEC vào năm 2015.

AEC sẽ tiếp tục thúc đẩy sự hợp tác giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước (PPP) tạo ra sự kết dính, minh bạch cũng như đồng thuận về mặt chính sách giữa các chính phủ, các hoạt động kinh doanh, các ngành công nghiệp và giữa các khu vực kinh tế trong ASEAN. Đầu vào của khu vực tư nhân cũng như sự hợp tác khu vực là thực sự cần thiết không chỉ để hoạch định các chiến lược và sáng kiến mà còn xác định các vấn đề trong quá trình thực hiện hóa hội nhập khu vực trong quá trình hình thành AEC.

Thúc đẩy hợp tác giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước (PPP) trong cộng đồng kinh tế ASEAN

Hợp tác giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước (PPP) trong cộng đồng kinh tế ASEAN đang được thực hiện ở nhiều mức độ khác nhau. Rất nhiều cơ quan trong ngành đã được thành lập để hỗ trợ cho các chiến lược và chương trình ASEAN trong quá trình phát triển và hội nhập. Hiện tại có 100 tổ chức ngành với trách nhiệm liên quan đến AEC. Sự hạn chế về mặt nguồn lực, chương trình nghị sự toàn diện, rất nhiều cuộc họp đã được tổ chức với sự tham gia của khu vực tư nhân AEC đồng nghĩa với việc không phải tất cả công việc của các cơ quan trong ngành đều có sự tham gia đầy đủ của khu vực tư nhân. Trong năm 2011, khoảng 35% các cơ quan trong ngành là có sự tham gia và hợp tác của khu vực tư nhân – nhà nước trên cơ sở thường xuyên hoặc chuyên biệt.

Các cuộc đối thoại liên tục giữa ASEAN với đại diện đến từ khu vực tư nhân đã

mang đến một vài đề xuất quan trọng nhằm hỗ trợ cho quá trình hội nhập kinh tế ASEAN một cách hiệu quả. Các bộ trưởng kinh tế ASEAN đã tổ chức họp thường niên với sự tham gia của hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN – BAC), các đại diện đến từ hiệp hội ngành, các hội đồng kinh doanh trong ASEAN và với các đối tác đối thoại.

ASEAN cũng liên tục tổ chức các cuộc thảo luận với Hiệp hội Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản ở ASEAN (FJCCIA), Hội đồng Kinh doanh Đông Á (EABC), hội đồng kinh doanh Mỹ - ASEAN (US-ABC), hội đồng kinh doanh mới thành lập EU – ASEAN và Anh - ASEAN. Các hiệp hội ngành như hiệp hội dệt may các nước ASEAN (AFTEX), hiệp hội ô tô ASEAN (AAF) đã tham gia tích cực vào tiến trình hội nhập khu vực. ASEAN cũng thảo luận với các đại diện ngành dịch vụ logistics, điện, điện tử và dược phẩm.

Các cuộc triển lãm và hội chợ thương mại được tổ chức gần đây đã thu hút được sự tham gia kết hợp của khu vực tư nhân và nhà nước. Hội chợ triển lãm thương mại thế giới World Expo ở Thượng Hải năm 2010, Hội chợ Trung Quốc – ASEAN hàng năm (CAEXPO) (lần gần nhất là CAEXPO-10, 9/2013), Hội chợ Thương mại Ấn Độ - ASEAN (AIBF), Hội nghị thượng đỉnh kinh doanh ASEAN-EU, ASEAN-Mỹ... đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp ASEAN triển lãm hàng hóa và tạo lập cơ hội kinh doanh mới cũng như thị trường mới trong và ngoài ASEAN.

Bước tiến

Tiềm năng to lớn do sự hợp tác giữa khu vực nhà nước – tư nhân trong ASEAN mang lại vẫn chưa được đề cập một cách đầy đủ. Tư vấn và đối thoại giữa khu vực tư nhân và nhà nước đã trở thành vấn đề xuyên suốt trong cuộc họp của các quan chức cao cấp cũng như của các bộ trưởng ASEAN, đảm bảo sự đồng thuận hơn nữa trong việc thực hiện các biện pháp hội nhập và phát triển khu vực. Họ cũng đã thông qua “quy định và thủ tục hợp tác tư nhân” để đảm bảo hội nhập hiệu quả hơn nữa với khu vực kinh tế tư nhân. Các kế hoạch cũng

đang được thực hiện để thúc đẩy hợp tác giữa các tổ chức trong ASEAN, các cơ quan trong lĩnh vực tư nhân, các cộng đồng kinh doanh trong khu vực và quốc tế, đặc biệt đối với hoạt động đầu tư và thương mại trong ASEAN.



THU HẸP KHOẢNG CÁCH PHÁT TRIỂN



Động lực cho sự hội nhập ASEAN (IAI) và thu hẹp khoảng cách phát triển (NDG)

Thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN là bước đi hết sức quan trọng trong mục tiêu cân bằng hỗ trợ và tham gia của tất cả các nước thành viên khi khu vực chuyển hướng tới hội nhập kinh tế để thiết lập một AEC vào năm 2015.

Sáng kiến hội nhập ASEAN (IAI) được đưa ra tại cuộc họp thượng đỉnh ASEAN 2000 đã ghi nhận vai trò to lớn của sự phát triển và mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực. IAI được thực hiện chủ yếu với Cambodia, Lao PDR, Myanmar, Viet Nam và các tiểu nhóm trong khu vực như Tiểu vùng Sông Mekong Mở rộng (GMS), khu vực tăng trưởng Đông ASEAN (BIMP-EAGA) gồm Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, và tam giác phát triển Indonesia-Malaysia-Thailand. Sáng kiến này được đưa ra với mục đích hỗ trợ các nước thành viên đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế rộng khắp ASEAN và cam kết hội nhập kinh tế. Hội nhập tiểu khu vực sẽ là nền tảng chính của cộng đồng kinh tế ASEAN.

Kế hoạch hành động IAI

Kế hoạch hành động IAI được đưa ra nhằm mục tiêu thu hẹp khoảng cách phát triển trong AEC. Được các nhà lãnh đạo ASEAN thông qua trong hội nghị thượng đỉnh lần thứ 8 năm 2002, kế hoạch hành động đầu tiên của IAI (2002 – 2008) ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng (vận tải, năng lượng) và nguồn lực con người bao gồm nâng cao năng lực chuyên môn, chú trọng phát triển nguồn lao động và con người, cải thiện về giáo dục. Những ưu tiên khác tập trung vào ngành du lịch, công nghệ thông tin và viễn thông (ICT), thúc đẩy thương mại hàng hóa, dịch vụ, hải quan, đầu tư và hệ thống tiêu chuẩn đánh giá.

Chương trình công tác IAI thứ 2 được thông qua tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 14 vào năm 2009 và được xây dựng dựa vào các chương trình quan trọng trong bản kế hoạch hành động AEC về an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội. Các lĩnh vực khác như nông nghiệp, thương mại, đầu tư, dịch vụ và phát triển SME cũng là những lĩnh vực hết sức trọng tâm.

Trong khi cả hai Chương trình công tác IAI cùng hướng tới phát triển rộng rãi hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ, thì việc phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông và vận tải, hoàn thiện hệ thống đường xá, đường sắt cũng như kết nối trên biển trong ASEAN là những lĩnh vực đang được chú trọng quan tâm.

Diễn đàn hợp tác phát triển IAI

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện chiến lược phát triển IAI, ASEAN đã tổ chức diễn đàn hợp tác phát triển IAI (IDCF) để phục vụ cho mục đích chính là gắn kết các đối tác ngoại giao ASEAN và nhà tài trợ cùng tham gia vào kế hoạch hành động IAI. Bốn diễn đàn đã được tổ chức vào năm 2002, 2007, 2010, 2012 để vận động cam kết từ ASEAN 6, các đối tác đối thoại và các cơ quan phát triển quốc tế cùng nỗ lực để đạt được mục tiêu là một cộng đồng ASEAN phát triển toàn diện và công bằng hơn.

HỘI NHẬP VÀO NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU



Khu vực thương mại tự do Trung Quốc – ASEAN (ACFTA)

Vào năm 2002, các nước thành viên ASEAN và cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa đã ký kết hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc. Hiệp định này là cơ sở để ASEAN và Trung Quốc tiến hành đàm phán sâu hơn nữa cho khu thương mại tự do Trung Quốc – ASEAN (ACFTA) vào tháng 12 năm 2009.

Trung quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN với tổng giá trị thương mại lên đến US\$318,6 tỉ năm 2012. Tốc độ tăng trưởng giá trị thương mại hàng năm đạt trung bình 21,6% từ 2009-2012 và với tốc độ như vậy ASEAN và Trung Quốc có thể đạt được mục tiêu tổng giá trị thương mại US\$500 tỉ vào năm 2015. Xét theo quy mô thị trường tiêu dùng thì ACFTA là khu vực thương mại tự do lớn nhất trên thế giới, là thị trường có tới 1.94 tỷ người tiêu dùng với tổng thu nhập quốc nội (GDP) lên tới 7.6 nghìn tỷ USD (vào năm 2010).

Dòng chu chuyển hàng hóa tự do

Hiệp định Thương mại Hàng hóa được ký kết năm 2004 đã góp phần cắt giảm hàng rào thuế quan và những hạn chế về các dòng thuế trong từng lĩnh vực theo danh mục hàng thông thường hoặc danh mục hàng nhạy cảm.

Đối với danh mục hàng thông thường: Tất cả các dòng thuế theo danh mục này đã được ASEAN – 6 (Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand) và Trung quốc đồng thuận xóa bỏ vào ngày 1/1/2010. Các dòng thuế áp với một vài loại hàng hóa còn lại theo danh mục này đã được xóa bỏ trước ngày 1/1/2012 theo chính sách linh hoạt trong việc xóa bỏ hàng rào thuế quan. Đối với Cambodia, Laos, Myanmar và Viet Nam, việc xóa bỏ hàng rào thuế quan sẽ được hoàn thành trước ngày 1/1/2015 với chính sách linh hoạt trong xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với các sản phẩm trong danh mục nhưng không vượt quá 250 dòng thuế trước 1/1/2018.

Danh mục hàng nhạy cảm: hàng hóa trong danh mục này được phân loại thành hàng hóa nhạy cảm (SL) hoặc hàng hóa có độ nhạy cảm cao (HSL) và sẽ có lộ trình cắt giảm hàng rào thuế quan theo khung thời gian được đề cập đến trong thỏa thuận. Hàng rào thuế quan đối với các sản phẩm loại SL đầu tiên sẽ được cắt giảm xuống còn 20%, sau đó sẽ tiếp tục cắt giảm xuống còn trong biên độ 0 – 5%. Đối với hàng hóa HSL, hàng rào thuế quan sẽ được cắt giảm xuống ở mức thấp hơn 50%. ACFTA không loại trừ bất kỳ một sản phẩm nào. Quy luật xuất xứ áp dụng đối với khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc cũng theo thông lệ chung là 40% giá trị hàng hóa có xuất xứ từ khu vực, và áp dụng đối với một số hàng hóa hạn chế với những quy định cụ thể.

Dòng chu chuyển dịch vụ tự do

Hiệp định thương mại dịch vụ giữa các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc vào ngày 14 tháng 1 năm 2007 là hiệp định thứ 2 phát sinh theo hiệp định khung 202. Mục đích của hiệp định này là tự do hóa và xóa bỏ đáng kể các biện pháp phân biệt thương mại dịch vụ giữa các bên trong ngành dịch vụ. Với việc áp dụng Hiệp Định GATS cộng (*GATS Plus*), mức độ cam kết tự do hóa cao hơn rất nhiều so với mức độ cam kết của các nước tham gia vào hiệp định GATS của WTO. ASEAN và Trung Quốc đã tiến tới vòng đàm phán thứ hai vào năm 2008 nhằm mục đích thúc đẩy đáng kể gói cam kết thứ nhất. Nghị định thư về thực hiện những cam kết trong gói cam kết thứ 2 theo hiệp định thương mại dịch vụ được mong đợi vẫn chưa được Philippines thông qua. Dù nhận thấy tầm quan trọng của gói cam kết này trong việc góp phần nâng tầm ACFTA, tại cuộc Tham vấn giữa bộ trưởng các nước ASEAN và bộ trưởng thương mại Trung Quốc lần thứ 12 ngày 20/08/2013, các bộ trưởng đã đồng thuận hoãn các thảo luận thêm cho tới khi Nghị định thư cho gói cam kết thứ 2 được tất cả các bên thông qua.

Dòng chu chuyển tự do của vốn đầu tư

Để thúc đẩy và nâng cao lợi thế của dòng vốn đầu tư, ASEAN và Trung quốc cũng ký kết một hiệp định đầu tư vào tháng 8 năm 2009 tại Bangkok, Thái Lan. Hiệp định này có hiệu lực vào tháng 1 năm 2010 đã góp phần tạo dựng môi trường đầu tư thuận lợi cho các nhà đầu tư từ ASEAN và Trung Quốc. Hiệp định này hỗ trợ các vấn đề chính về bảo hộ để đảm bảo điều kiện đầu tư công bằng, minh bạch cho nhà đầu tư, đồng thời áp dụng các biện pháp chống phân biệt trong nước, chống hạn chế đầu tư và bồi thường thiệt hại. Hiệp định này cũng bao gồm các điều khoản cho phép chuyển giá và chuyển lợi nhuận theo bất kỳ loại tiền tệ nào và cung cấp cho nhà đầu tư các nguồn lực để giải quyết các vấn đề tranh chấp liên quan đến họ.



Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP)

Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) được ký kết vào tháng 4 năm 2008 và chính thức có hiệu lực từ tháng 12/2008 (chỉ có hiệu lực với Thương mại Hàng hóa, các chương Thương mại Dịch vụ và Đầu tư mới cơ bản hoàn tất đàm phán vào 12/2013) là một hiệp định toàn diện trên mọi lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, và hợp tác kinh tế. Tổng kết năm 2012, tổng giá trị thương mại đạt US\$262,4 tỉ, Nhật Bản giữ vững vị trí là đối tác thương mại lớn thứ 2 của ASEAN chỉ sau Trung Quốc.

AJCEP sẽ tiếp tục hỗ trợ thúc đẩy đà tăng trưởng thương mại và đầu tư trong khu vực bằng cách cho phép nhiều hàng hóa và dịch vụ đến với người tiêu dùng Nhật Bản và ASEAN ở mức giá thấp hơn thông qua việc cắt giảm hoặc xóa bỏ hàng rào thuế quan. Tăng cường trao đổi hàng hóa và dịch vụ khi thuế quan được cắt giảm sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân ở cả 2 khu vực nói trên.

Xóa bỏ và cắt giảm hàng rào thuế quan

Theo các điều khoản của hiệp định (AJCEP), Nhật Bản phải xóa bỏ 92% trong tổng số hàng rào thuế quan của mình căn cứ trên các dòng thuế và giá trị thương mại của hàng hóa theo danh mục hàng hóa thông thường trong vòng 10 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực (EIF). ASEAN 6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand) và Việt Nam phải xóa bỏ 90% hàng rào thuế quan của mình căn cứ trên các dòng thuế và giá trị thương mại của hàng hóa theo danh mục hàng hóa thông thường trong vòng 10 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực (EIF). Đối với Cambodia, Laos và Myanmar, 90% hàng rào thuế quan căn cứ trên các dòng thuế và giá trị thương mại của hàng hóa theo danh mục hàng hóa thông thường cần phải được xóa bỏ trong vòng 13 năm kể từ khi EIF có hiệu lực.

Đối với hàng hóa trong danh mục hàng nhạy cảm cao, hàng nhạy cảm và hàng

miễn trừ, cách thức áp dụng cũng sẽ thay đổi, đồng thời việc cắt giảm thuế phải được thực hiện trên cơ sở đàm phán song phương giữa ASEAN - Nhật Bản, và phải xem xét đến cả độ nhạy cảm của các bên.

Quy tắc xuất xứ (ROO)

Quy tắc xuất xứ (ROO) ra đời theo sau AJCEP với mục đích khuyến khích nguồn đầu vào đem lại lợi ích cho các ngành công nghiệp trong ASEAN cũng như các doanh nghiệp của Nhật Bản như Mitsubishi, Toyota và các doanh nghiệp điện tử khác hoạt động và đầu tư nhiều trong khu vực ASEAN.

ROO của AJCEP cũng mang đặc điểm chung của *Tỷ lệ* giá trị nội địa (RVC - Regional Value Content) 40% hoặc tỷ lệ chuyển đổi nhóm CTH cho phép nhà xuất khẩu và nhà sản xuất lựa chọn nguyên tắc áp dụng thích hợp đối với hàng rào thuế quan ưu đãi (thấp hơn hoặc bằng 0) theo hiệp định.

Dịch vụ và đầu tư

Các bên đang nỗ lực để các chương Thương mại Dịch vụ và Đầu tư sớm được ký kết.

Cơ chế giải quyết tranh chấp

Cơ chế giải quyết tranh chấp được đưa ra để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hiệp định TIG thông qua tư vấn, đàm phán, hòa giải, tòa án hoặc bất kỳ hiệp định quốc tế có liên quan nào.

Lợi ích tổng thể

Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Nhật Bản vào ASEAN đạt US\$20,8 tỉ năm 2012. Con số này được trông đợi sẽ còn cao hơn nữa khi AJCEP tiếp tục hỗ trợ cho hoạt động đầu tư, thu hẹp khoảng cách kinh tế giữa ASEAN và Nhật Bản.

Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn quốc (AKFTA)

Trong năm 2005, ASEAN và Hàn Quốc đã ký kết hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện, là cơ sở để tiếp tục 4 hiệp định nữa về công cụ pháp lý hình thành Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn quốc (AKFTA).

Hàn quốc hiện đang là đối tác thương mại lớn thứ 5 của ASEAN với tổng giá trị thương mại trong năm 2012 lên tới US\$131 tỉ. Dòng FDI từ Hàn quốc vào ASEAN trong năm 2012 đạt US\$ 1,9 tỉ.

Thương mại hàng hóa

Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Hàn Quốc (AK-TIG) được ký kết vào năm 2006 đưa ra các thỏa thuận thương mại hàng hóa ưu tiên trong 10 nước ASEAN và Hàn Quốc mà chủ yếu là đề cập tới việc cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan áp dụng cho tất cả các dòng thuế trong giai đoạn chuyển đổi. Kể từ tháng 1 năm 2010, Hàn Quốc và ASEAN 5 (Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore) đã và đang xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với 90% sản phẩm trong danh mục thông thường.

Các thành viên mới của ASEAN – Viet Nam, Cambodia, Lao PDR và Myanmar có lộ trình cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan lâu hơn trong quá trình phát triển của mình. Đối với Việt Nam, ít nhất 50% trong số các dòng thuế áp dụng cho danh mục hàng hóa thông thường sẽ giảm xuống mức còn 0 – 5% trước tháng 1 năm 2013 còn đối với Cambodia, Lao PDR và Myanmar (CLM) là tháng 1 năm 2015.

90% các dòng thuế trong hàng rào thuế quan sẽ được cắt giảm xuống mức còn 0 – 5% trước năm 2016 đối với Việt Nam và trước 2018 đối với các nước CLM. Trước năm 2017 và 2020, các loại hàng hóa trong danh mục hàng hóa thông thường của CLM lần lượt sẽ tiếp cận đầy đủ với thị trường với mức thuế

suất bằng 0%. Thái Lan đã đồng ý tham gia vào AK-TIG trong năm 2007 thì thực hiện theo một lộ trình khác. Hàng rào thuế quan áp dụng với hàng hóa trong danh mục thông thường sẽ được cắt giảm trong giai đoạn thực hiện hiệp định và sẽ được xóa bỏ hoàn toàn vào năm 2016 hoặc 2017.

Thương mại dịch vụ

Hiệp định thương mại dịch vụ giữa ASEAN và Hàn Quốc (AK-TIG) được ký kết năm 2007 và là cơ sở để tiếp cận thị trường nhiều hơn nữa của các nhà cung cấp dịch vụ ASEAN và Hàn quốc. Căn cứ trên những cam kết hiện tại trong WTO theo hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS), ASEAN và Hàn quốc cùng gia tăng cam kết thông qua việc bổ sung các ngành và tiểu ngành mới, xóa bỏ hạn chế đối với khu vực dịch vụ trong kinh doanh, xây dựng, giáo dục, viễn thông, môi trường, du lịch và vận tải.

Đầu tư

Hiệp định thương mại đầu tư giữa ASEAN và Hàn Quốc (AK-TIG) được ký kết năm 2009 sẽ tạo ra một môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, an toàn và hỗ trợ cho các nhà đầu tư Hàn Quốc và ASEAN. Hiệp định này bao gồm các điều khoản về phương pháp đầu tư công bằng, bảo hộ và đảm bảo đầy đủ cho nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư, lưu chuyển dòng vốn trong hoạt động đầu tư, bồi thường và khai thác đầu tư.

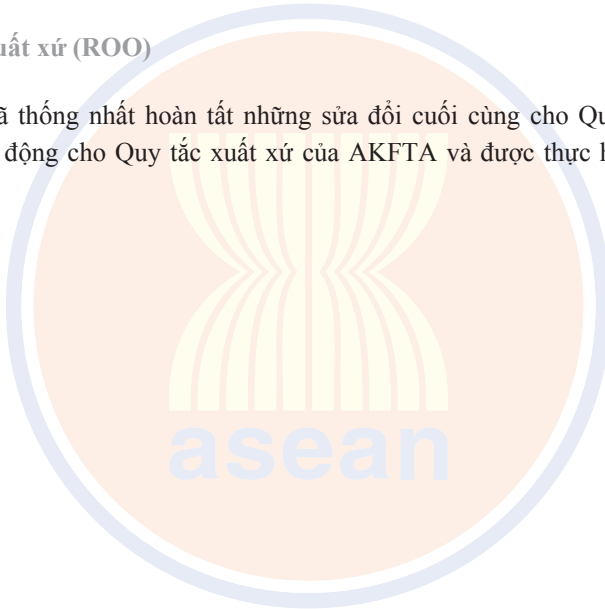
Kể từ khi hiệp định này có hiệu lực vào năm 2009, ASEAN và Hàn quốc cùng theo đuổi mục tiêu hoàn thiện các vấn đề nêu ra trong hiệp định như phát triển các cam kết tiếp cận thị trường hoặc các kế hoạch riêng. ASEAN và Hàn Quốc tiếp tục đàm phán theo những hạng mục trong chương trình và dự định sẽ hoàn thành đàm phán trong vòng 5 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực.

Các cơ chế giải quyết tranh chấp

Hiệp định giữa ASEAN và Hàn Quốc về cơ chế giải quyết tranh chấp được ký kết năm 2005 đã đưa ra cách thức giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hiệp định thương mại tự do thông qua tư vấn, hòa giải, xem xét, đưa ra tòa án, hoặc dựa trên những hiệp định quốc tế có liên quan để giải quyết (Cơ chế giải quyết tranh chấp không áp dụng theo một điều khoản cụ thể nào của hiệp định thương mại dịch vụ, đầu tư hoặc hợp tác kinh tế hay trong bất kỳ lĩnh vực nào khác hoặc bất kỳ phụ lục nào của các hiệp định nói trên).

Quy tắc xuất xứ (ROO)

Các bên đã thống nhất hoàn tất những sửa đổi cuối cùng cho Quy trình Cấp phép Hoạt động cho Quy tắc xuất xứ của AKFTA và được thực hiện từ ngày 1/1/2014.



Khu vực thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AITIG)

Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIG) được ký kết năm 2009 và chính thức có hiệu lực từ tháng 1 năm 2010 để hình thành một trong những khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới. Thị trường ASEAN - Ấn Độ bao gồm khoảng 1,8 tỷ người với tổng GDP liên kết khoảng 3,82 nghìn tỷ USD tính theo số liệu năm 2010. Thương mại ASEAN - Ấn Độ đạt khoảng US\$ 71,6 tỉ trong năm 2012, biến khu vực này trở thành đối tác thương mại lớn thứ 6 trên thế giới.

Thương mại hàng hóa tự do

AITIG góp phần làm giảm và/hoặc dỡ bỏ hàng rào thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ trong khu vực (tuân theo đúng nguyên tắc xuất xứ) được giao dịch trong khu vực ASEAN và Ấn Độ. Căn cứ vào danh mục hàng hóa thông thường, hàng rào thuế quan áp dụng với các hàng hóa trong danh mục này tại các nước Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Singapore, Thailand và Ấn Độ sẽ được gỡ bỏ trước năm 2016. Hàng rào thuế quan áp dụng đối với các loại hàng hóa trong danh mục hàng hóa thông thường giữa Philippines và Ấn Độ sẽ được gỡ bỏ trước năm 2019. Lộ trình gỡ bỏ hàng rào thuế quan đối với hàng hóa trong danh mục thông thường tại Cambodia, Lao PDR, Myanmar và Viet Nam (CLMV) được gỡ bỏ theo một lộ trình lâu hơn.

Trong danh mục hàng hóa nhạy cảm, các loại hàng hóa đang được áp mức thuế suất tối huệ quốc (MFN) trên 5% sẽ được giảm xuống còn 5% trước năm 2016, áp dụng với các quốc gia Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Singapore, Thailand và Ấn Độ, trước năm 2019 với Philippines và Ấn Độ; trước 2011 với Cambodia, Lao PDR, Myanmar và Viet Nam.

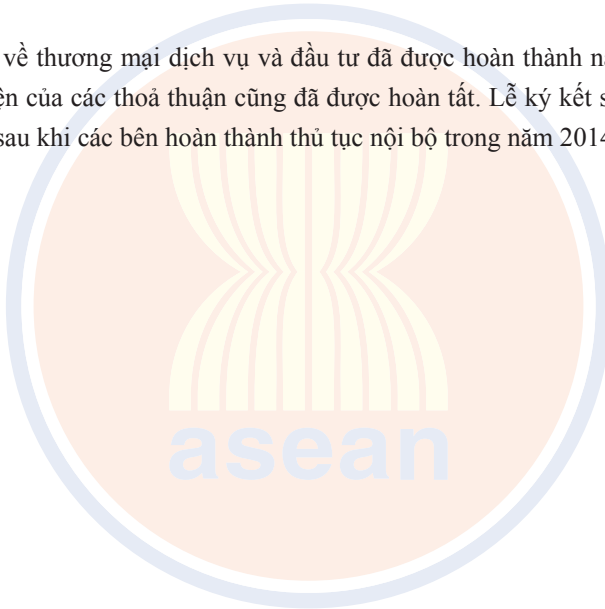
AITIG cũng đưa ra các mức thuế khác nhau đối với các loại hàng hóa đặc biệt như dầu thô, dầu tinh, cà phê, chè đen và hạt tiêu. Cũng có những loại hàng hóa được đưa vào danh mục hàng nhạy cảm cao và hàng hóa miễn trừ, và danh mục

này sẽ được xem xét lại hàng năm để điều chỉnh phương pháp tiếp cận.

Nguyên tắc chung của RVC (tỷ lệ nội địa hóa) là 35%+CTSH (tỷ lệ chuyển đổi) được áp dụng như là một tiêu chí để xem xét xuất xứ của hàng hóa cho phù hợp với các mức thuế ưu đãi. Những nguyên tắc cụ thể đối với từng sản phẩm cũng được đưa ra đàm phán để hình thành quy định thay thế áp dụng cho các loại sản phẩm hoặc khu vực kinh tế cụ thể.

Dịch vụ và đầu tư

Đàm phán về thương mại dịch vụ và đầu tư đã được hoàn thành năm 2012, và các văn kiện của các thoả thuận cũng đã được hoàn tất. Lễ ký kết sẽ được thực hiện ngay sau khi các bên hoàn thành thủ tục nội bộ trong năm 2014.



Khu vực thương mại tự do SEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA)

Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA) được thông qua với mục đích hội nhập 12 thị trường đơn lẻ thành một thị trường đồng nhất gồm 625 triệu người với tổng giá trị GDP của khu vực là 2.61 nghìn tỷ USD và tổng giá trị thương mại là US\$ 78,8 tỉ theo số liệu của năm 2012. AANZFTA được ký kết năm 2009 và chính thức có hiệu lực vào tháng 1 năm 2010.

Mặc dù trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy giảm dòng đầu tư nước ngoài, song tổng mức đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ Australia-New Zealand vào ASEAN vẫn tiếp tục tăng.

Hiệp định AANZFTA là hiệp định đa phương đầu tiên đối với cả ASEAN và Australia (New Zealand đã từng có hiệp định thương mại đa phương với Brunei, Singapore và Chile). Đây cũng là cam kết ở cấp độ khu vực đầu tiên đối với ASEAN và cũng là hiệp định đầu tiên mà Australia và New Zealand cùng tham gia đàm phán. Hiệp định này đề cập đến thương mại hàng hóa, dịch vụ, thương mại điện tử, đầu tư, cơ chế giải quyết tranh chấp và các điều khoản cụ thể về thủ tục hải quan, vệ sinh dịch tễ (SPS), các tiêu chuẩn và nguyên tắc kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh.

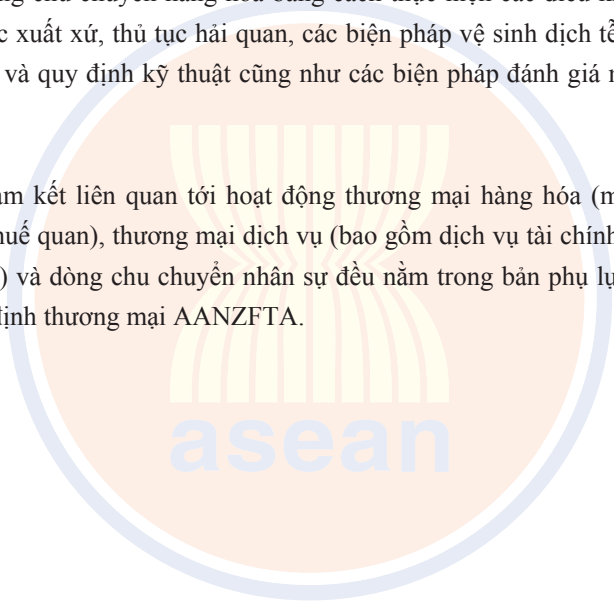
Các nghĩa vụ theo hiệp định AANZFTA

Các nước thành viên ASEAN, Australia và New Zealand bị ràng buộc với nhau bởi hiệp định **AANZFTA** và lần lượt tự do hóa hàng rào thuế quan kể từ khi hiệp định này có hiệu lực chính thức vào năm 2010 và dỡ bỏ hàng rào thuế quan đối với ít nhất 90% các dòng thuế theo một lộ trình cụ thể. Các nước này cũng đồng ý dỡ bỏ hàng rào thương mại dịch vụ và cho phép tiếp cận nhiều hơn từ phía các nhà cung cấp dịch vụ. (Việc thực hiện **AANZFTA** của các nước AMS sẽ được áp dụng theo một lộ trình khác do những quy định trong nước. **AANZFTA** có hiệu lực chính thức khi Australia, New Zealand và một nước

AMS bắt đầu thực hiện. Tính đến thời điểm này, Indonesia vẫn chưa thực hiện được hiệp định nói trên).

Hiệp định AANZFTA cho phép tự do chu chuyển dòng nhân lực trong hoạt động thương mại và hoạt động đầu tư khu vực, đồng thời cũng đưa ra các biện pháp bảo hộ đầu tư, bao gồm cả việc bồi thường tổn thất, chuyển lợi nhuận và chuyên vốn, chuyên quyền và khiến nại liên quan đến đầu tư. Theo các điều khoản của hiệp định, ASEAN, Australia và New Zealand đồng ý nâng cao lợi thế của dòng chu chuyển hàng hóa bằng cách thực hiện các điều khoản cụ thể của quy tắc xuất xứ, thủ tục hải quan, các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS), các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật cũng như các biện pháp đánh giá mức độ phù hợp.

Các gói cam kết liên quan tới hoạt động thương mại hàng hóa (mà cụ thể là hàng rào thuế quan), thương mại dịch vụ (bao gồm dịch vụ tài chính và dịch vụ viễn thông) và dòng chu chuyển nhân sự đều nằm trong bản phụ lục đính kèm theo hiệp định thương mại AANZFTA.



Những lợi ích do hiệp định AANZFTA mang lại

Hiệp định AANZFTA mở ra cơ hội kinh tế trong ASEAN, Australia và New Zealand. Nó cho phép các nhà xuất khẩu và sản xuất tiếp cận sâu hơn nữa vào thị trường khu vực, thúc đẩy quy mô kinh tế trong sản xuất, cơ hội mở rộng mạng lưới và thúc đẩy hợp tác kinh tế trong khu vực. AANZFTA cũng góp phần tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch và có thể dự đoán trước do đó các nhà hoạt động kinh tế được đảm bảo rằng hoạt động thương mại sẽ không bị can thiệp hoặc gián đoạn một cách không cần thiết.

Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)

Sáng kiến xây dựng Khu vực Mậu dịch Tự do Đông Á (EAFTA) được đưa ra dưới hình thức kiến nghị của Nhóm Tầm nhìn Đông Á (EAVG) năm 2001 và Báo cáo của Nhóm nghiên cứu Đông Á (EASG) năm 2002 trong khuôn khổ ASEAN+3. Sau đó, tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN+3 tháng 8/2006, khi Trung Quốc đưa ra Báo cáo Nghiên cứu Giai đoạn I về Khu vực Mậu dịch Tự do Đông Á (EAFTA), Nhật Bản đã nêu Sáng kiến Nghiên cứu về Cơ chế Hợp tác Kinh tế Toàn diện Đông Á (CEPEA) nhằm mục tiêu nghiên cứu một FTA gồm 16 nước Đông Á. Mục đích của nhóm nghiên cứu là xem xét các khuôn khổ thích hợp cho liên kết kinh tế giữa các nước tham thống gia EAS, phân tích tác động về kinh tế của CEPEA đối với các nước Đông Á; xác định tầm nhìn và lộ trình của CEPEA.

Nhằm thiết lập vai trò trung tâm trước những sáng kiến liên kết kinh tế khu vực, HNCC ASEAN 19 đã thông qua Khuôn khổ ASEAN về Đối tác Kinh tế Toàn diện (ARCEP), trong đó, quy định các nguyên tắc chung của ASEAN trong đàm phán thành lập các liên kết kinh tế mới tại khu vực. Khuôn khổ cũng

chỉ rõ ASEAN sẽ tiến hành thành lập FTA/CEP khu vực với các đối tác đã có FTAs/CEP với ASEAN trước, sau đó mới mở rộng cho các đối tác bên ngoài.

Các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và các nước đối tác FTAs, tại Tham vấn bên lề Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế lần thứ 44 (Siêm-Riệp, tháng 30/8/2012), đã nhất trí khuyến nghị các Lãnh đạo cấp cao ra Tuyên bố khởi động đàm phán ARCEP. Các Bộ trưởng đã thông qua Các Nguyên tắc và Mục tiêu Hướng dẫn Đàm phán ARCEP. Một số điểm quan trọng gồm: (i) đối tượng được hưởng ưu đãi đặc biệt và khác biệt; (ii) phương thức đàm phán; (iii) phạm vi đàm phán (các vấn đề mới ngoài thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư); (iv) mức độ tự do hóa; và (v) cơ cấu tổ chức đàm phán. Nhìn chung, ASEAN dành được thế chủ động trong việc xây dựng tài liệu này, đạt được các mục tiêu phục vụ lợi ích của Hiệp hội.

Tháng 11/2012, tại HNCC ASEAN 21 (Phnôm-Pênh). Các Nhà Lãnh đạo ASEAN & các đối tác FTA hiện nay đã ra một tuyên bố khởi động đàm phán RCEP với Các Nguyên tắc và Mục tiêu Hướng dẫn Đàm phán ARCEP đã được thông qua tại AEM44. Theo kế hoạch, đàm phán bắt đầu năm 2013 và kết thúc vào cuối năm 2015.



**BAN THƯ KÝ ASEAN QUỐC GIA VIỆT NAM
(VỤ ASEAN, BỘ NGOẠI GIAO)**